



SỨC MẠNH TỪ VÙNG NGUYÊN LIỆU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

MỤC LỤC

04 - 07

04 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng
Quản trị



08 - 23

THÔNG TIN CHUNG

10 Thông tin khái quát
11 Quá trình hình thành và phát triển
12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
14 Thông tin về mô hình quản trị
20 Định hướng phát triển
22 Các rủi ro



24 - 35

TÌNH HÌNH HĐKD NĂM 2013

26 Tình hình HĐKD trong năm
28 Tổ chức nhân sự
32 Tình hình đầu tư, tình hình
thực hiện các dự án
34 Tình hình tài chính
35 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư



36 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

38 Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
39 Kết quả thực hiện kế hoạch
năm 2013
44 Những hoạt động nổi bật trong
năm 2013
45 Tình hình tài chính
46 Đánh giá của HĐQT về các mặt
hoạt động
48 Kế hoạch, định hướng của HĐQT



50 - 57

QUẢN TRỊ CÔNG TY

52 Hội đồng Quản trị
54 Ban Kiểm soát
58 Các giao dịch, thù lao và
các khoản lợi ích



62 - 117

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

64 Thông tin chung
65 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
66 Báo cáo tài chính hợp nhất

“ Song song phát triển ổn định vùng nguyên liệu, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đã nâng công suất lên 5.200 tấn mía/ngày (TMN) và sẽ hoàn tất việc nâng công suất lên 6.000 TMN vào năm 2014, sản lượng mía ép đến vụ sản xuất 2016 - 2017 ước đạt 800.000 tấn. Đây sẽ là một bước ngoặt lớn góp phần củng cố hiệu quả hoạt động của Công ty trong lĩnh vực sản xuất đường tại Việt Nam.

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Trở thành một trong những Công ty sản xuất kinh doanh ngành đường hàng đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên trên cơ sở tối ưu hóa chuỗi giá trị sản phẩm mía đường, trong đó sản phẩm đường RE (đường tinh luyện thượng hạng) là một trong những thương hiệu mạnh trong nước và đủ năng lực cạnh tranh trong khu vực Đông Nam Á vào năm 2020.



SỨ MỆNH

- » **Đối với khách hàng:** Làm hài lòng khách hàng với sản phẩm có chất lượng hàng đầu.
- » **Đối với đối tác kinh doanh:** Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ hợp tác lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích các bên.
- » **Đối với người trồng mía:** Đồng hành trong quá trình phát triển; bảo đảm thu nhập cao hơn đối với các cây trồng khác trong cùng địa bàn.
- » **Đối với người lao động:** Luôn quan tâm đến môi trường làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống người lao động.
- » **Đối với cổ đông và nhà đầu tư:** Lợi ích lâu dài tối đa dựa trên hiệu quả hoạt động của Công ty.
- » **Đối với cộng đồng:** Cam kết hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, thân thiện với môi trường và tham gia tích cực vào các hoạt động mang tính xã hội tại địa phương và trong cộng đồng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- » Chú trọng chất lượng và thương hiệu sản phẩm.
- » Nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ hợp tác lâu dài với đối tác và người trồng mía.
- » Tổ chức bộ máy vững mạnh và chuyên nghiệp với nền tảng là con người.

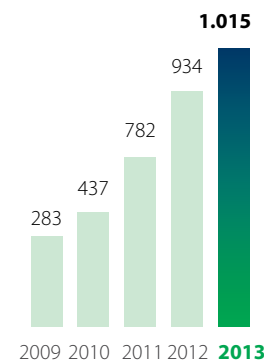
THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRONG GIAI ĐOẠN 2014 - 2016, CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG; NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ NĂNG SUẤT CÂY MÍA, GIẢM GIÁ THÀNH SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP, ĐỒNG HÀNH VỚI BÀ CON NÔNG DÂN THÔNG QUA ỨNG DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHOA HỌC KỸ THUẬT, THAY ĐỔI QUAN ĐIỂM VỀ QUẢN LÝ CANH TÁC NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG HIỆU QUẢ VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CỦA NGƯỜI TRỒNG MÍA.

DOANH THU THUẦN
ĐVT: tỷ đồng

1.015 tỷ đồng



+14,42%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
HỢP NHẤT SO VỚI 2012

Kính thưa Quý Cổ đông!

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, tôi xin gửi đến Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Thưa Quý Cổ đông,

Kể từ sau khi thực hiện chủ trương cổ phần hóa nhà máy đường Ninh Hòa, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đã có những bước chuyển mạnh mẽ, đạt được những thành tựu khá ấn tượng trong lĩnh vực sản xuất đường ở Việt Nam.

Năm 2013 là một năm mà ngành đường trong nước tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn do cung vượt cầu sau nhiều năm thiếu hụt, chỉ riêng lượng đường sản xuất trong nước đã đạt 1,6 triệu tấn trong khi lượng đường tiêu thụ chỉ đạt 1,43 triệu tấn, thặng dư khoảng 170.000 tấn đường. Ngoài ra, còn phải kể đến tình trạng đường lậu chưa được kiểm soát tốt khiến cho giá đường suy giảm liên tục. Tình hình tiêu thụ khó khăn, chi phí tồn kho tăng khiến nhiều doanh nghiệp trong ngành lao đao, lợi nhuận sụt giảm mạnh. Tuy nhiên, trong năm qua, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông Công ty đã giao phó về cả doanh thu lẫn lợi nhuận. Cụ thể, Công ty đã sản xuất được 60.759 tấn đường, vượt nhẹ so kế hoạch năm 2013 và tiêu thụ 61.495 tấn đường. Tổng doanh thu thuần đạt 1.015,19 tỷ đồng, vượt 3,94% so với kế hoạch và tăng 8,73% so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 99,3 tỷ đồng, vượt 97,93% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 115,06 tỷ đồng, tăng 14,42% so với năm 2012.

Với phương châm kinh doanh hiệu quả và bền vững, hành xử trách nhiệm thân thiện với môi trường, chia sẻ với cộng đồng, dựa trên sức mạnh đến từ vùng nguyên liệu ổn định, một yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của doanh nghiệp ngành đường, cùng với việc quản lý sát sao, bài bản, Công ty đã và đang xây dựng Đường Ninh Hòa trở thành một thương hiệu mạnh của khu vực miền Trung và cả nước.

Trước những thách thức cạnh tranh đang gấn kề với đường nhập khẩu từ Thái Lan và các nước trong khu vực, Công ty xác định mục tiêu hàng đầu là tiết giảm giá thành ở mức cạnh tranh nhất nhưng vẫn đảm bảo thu nhập cho người trồng mía và kiểm soát chất lượng sản phẩm luôn đạt độ ổn định, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe của khách hàng.

Để đạt được mục tiêu đó, Công ty sẽ tập trung triển khai các giải pháp trong giai đoạn 2014 - 2016 như sau:

- » Phát triển vùng nguyên liệu ổn định và bền vững; Nâng cao chất lượng và năng suất cây mía, giảm giá thành sản phẩm nông nghiệp, đồng hành với bà con nông dân thông qua ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, thay đổi quan điểm về quản lý canh tác nông nghiệp theo hướng hiệu quả và nâng cao thu nhập của người trồng mía.
- » Tăng cường năng lực chế biến của nhà máy lên 6.000 tấn mía/ngày; Kiện toàn công tác quản lý sản xuất tại nhà máy, kiểm soát chất lượng sản phẩm.
- » Tối ưu hóa công tác quản lý: Tập trung, chuyên nghiệp, hiệu quả.
- » Tiếp tục đồng hành cùng địa phương trong việc triển khai các hoạt động xã hội để cùng chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tiêu chí thân thiện môi trường.

Thưa Quý Cổ đông,

Những thành quả mà Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đạt được trong năm 2013 cũng như trong thời gian qua luôn có sự đóng góp to lớn của Quý vị cổ đông. Bên cạnh đó là sự ủng hộ của bà con nông dân, khách hàng, các đối tác và sự quan tâm của các cấp chính quyền tại địa phương.

Thay mặt cho HĐQT, tôi xin chân thành gửi lời tri ân đến Quý Cổ đông, Quý bà con nông dân, khách hàng, đối tác, chính quyền địa phương vì đã tin tưởng, chia sẻ và đồng hành cùng với Công ty. Với tinh thần, trách nhiệm, nhiệt huyết và nỗ lực phấn đấu, HĐQT rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự đồng thuận từ Quý Cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác chiến lược, sự ủng hộ lâu dài của bà con nông dân, của khách hàng trong việc phát triển Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.



VƯỢT LÊN từ vùng nguyên liệu

Xác định vùng nguyên liệu là yếu tố quan trọng và quyết định đối với mục tiêu phát triển trong giai đoạn tới, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa tập trung đầu tư ổn định vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu cung ứng, qua đó khai thác tối ưu năng lực sản xuất của nhà máy, góp phần tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả chung.



SẢN LƯỢNG MÍA ÉP 2013

612.393 tấn



VƯỢT SO VỚI KẾ HOẠCH

2,07%



DIỆN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU MÍA

10.300 ha

THÔNG TIN CHUNG

- 10 Thông tin khái quát
- 11 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Thông tin về mô hình quản trị
- 20 Định hướng phát triển
- 22 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- » Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**
- » Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 02/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/01/2014.
- » Vốn điều lệ: 607.500.000.000 VNĐ (Sáu trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).
- » Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2013): 607.500.000.000 đồng.
- » Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.
- » Số điện thoại: 058.3620040
- » Số Fax: 058.3620143
- » Website: www.nhs.com.vn
- » Email: duongninhhoa@nhs.com.vn
- » Mã cổ phiếu: **NHS**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa được chính thức thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Nhà máy Đường Ninh Hòa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200636590 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 03 năm 2006. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 02/07/2010 với mức vốn điều lệ ban đầu là 81 tỷ đồng.

Với tinh thần không ngừng nỗ lực phấn đấu, cùng sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, sự hỗ trợ của các ban, ngành, địa phương, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa luôn duy trì sản xuất ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV ngay cả trong những năm nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu.

Đến nay, Công ty đã nâng công suất từ 2.400 TMN lên 5.200 TMN và sẽ hoàn tất việc nâng công suất lên 6.000 TMN vào năm 2014, sản lượng mía ép đến vụ sản xuất 2016 - 2017 đạt 800.000 tấn. Đây sẽ là một bước ngoặt lớn góp phần củng cố hiệu quả hoạt động của Công ty trong lĩnh vực sản xuất đường tại Việt Nam.

CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT CÁC NĂM GẦN ĐÂY

» Năm 2011:

Bộ Công Thương đã tặng bằng khen cho Công ty vì đã có thành tích trong phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ công tác năm 2010 theo Quyết định số 1263/QĐ-BCT ngày 21/03/2011;

Bộ Tài chính tặng bằng khen cho Công ty vì đã có thành tích chấp hành chính sách thuế năm 2010 theo Quyết định số 1277/QĐ-BTC ngày 27/05/2011;

Ngày 08/09/2011, Tạp chí Forbes vinh danh – “Ninh Hòa nằm trong Top 200 doanh nghiệp dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á” (công ty nhỏ và vừa). Ninh Hòa là một trong số 10 Công ty tại Việt Nam đạt danh hiệu này.

Đạt giải thưởng SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2011 và được xếp vào TOP 200 Thương hiệu Việt Nam theo công văn số 202/2011/UBTU – DNT ngày 03/10/2011 của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam.

» Năm 2012:

Đạt giải Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam theo Chương trình tư vấn và bình chọn Nhân hiệu cạnh tranh - nổi tiếng Việt Nam 2012 do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức.

Công ty có tên trong bảng xếp hạng 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo công văn số 7812/CV – V1000 ngày 29/10/2012 của Ban tổ chức chương trình V1000.

Công ty có tên trong bảng xếp hạng VNR 500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2013 do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (VN Report JSC – VNR) thực hiện.

» Năm 2013:

Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng bằng khen theo Quyết định số 1131/QĐ-BTC ngày 17/05/2013 v/v khen thưởng cho Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa vì đã có thành tích chấp hành chính sách, pháp luật thuế năm 2013.

Lần thứ 2 Công ty được Tạp chí Forbes bình chọn “Doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á”. Công ty vinh dự là 1 trong số 12 công ty tại Việt Nam đạt danh hiệu này. Lễ vinh danh được tổ chức ngày 29/10/2013.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm được sử dụng trực tiếp làm thực phẩm hoặc sử dụng làm nguyên liệu cho một số ngành chế biến công nghiệp (bánh, kẹo, nước giải khát,)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY

- » Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ như: Mật rỉ, bã bùn, tro.
- » Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu; Mua bán vật tư nông nghiệp - Mua bán phân bón.
- » Sản xuất và kinh doanh điện.
- » Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của Công ty: Đường kính trắng, bao gồm đường bao 50 kg và đường túi 1kg.

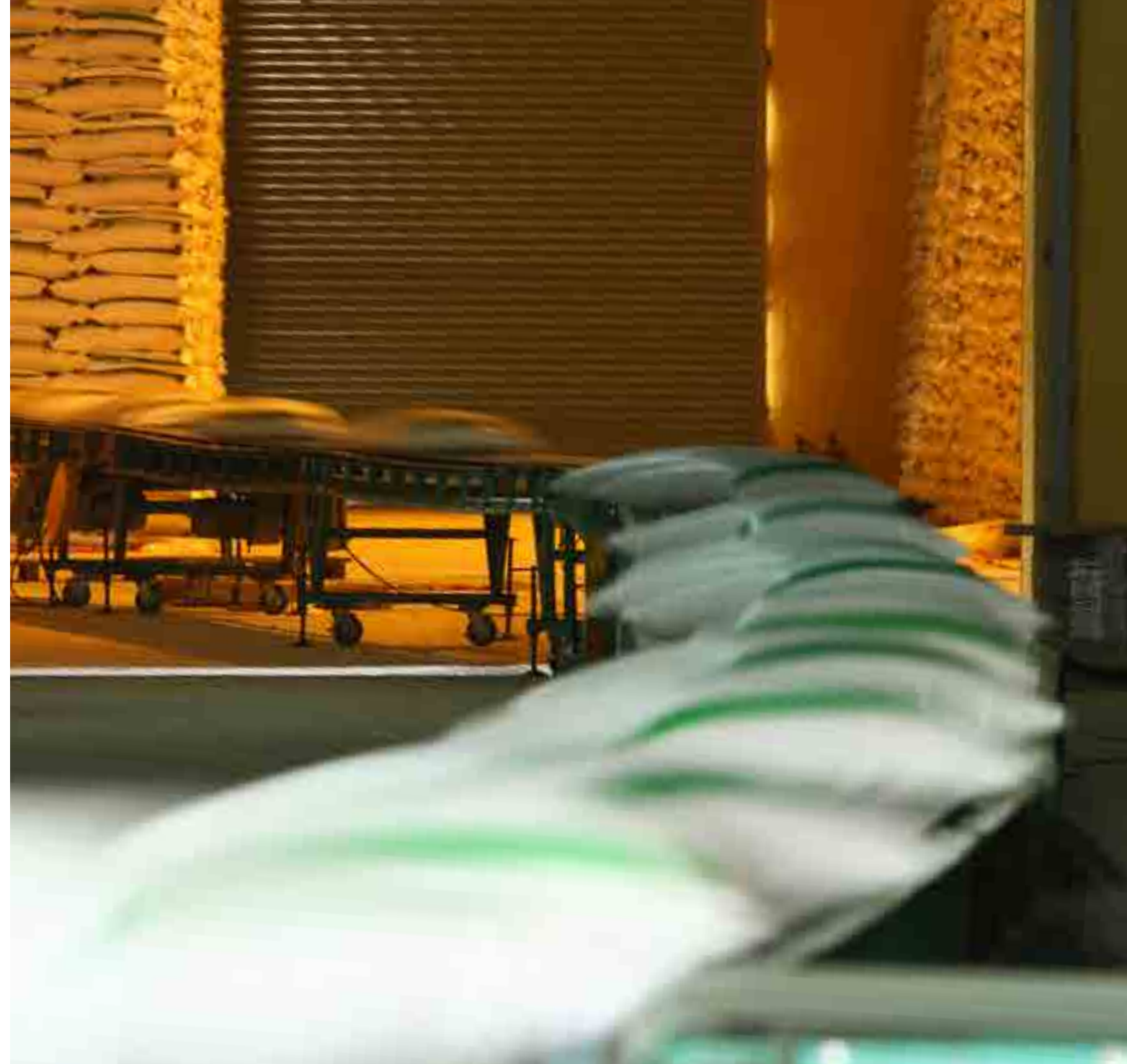
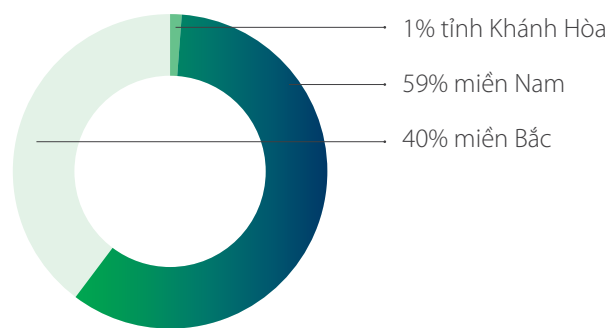
Sản phẩm được sử dụng trực tiếp làm thực phẩm hoặc sử dụng làm nguyên liệu cho một số ngành chế biến công nghiệp (bánh, kẹo, nước giải khát,).

Sản phẩm đường kính trắng của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cơ sở đã đăng ký tại Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đăng ký đều đạt chỉ tiêu chất lượng theo TCVN 6959:2001 đối với sản phẩm đường kính trắng.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và khu vực phía Bắc.

CƠ CẤU ĐỊA BÀN KINH DOANH



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- » Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty với các nhiệm vụ cơ bản sau:
 - Thông qua các báo cáo và phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - Đưa ra các quyết định về loại cổ phần và số lượng của từng loại cổ phần chào bán;
 - Đưa ra các quyết định về mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần trên cơ sở báo cáo và đề xuất của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”);
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
 - Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định;

» Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) do ĐHĐCĐ Công ty bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Tại thời điểm 31/12/2013, HĐQT Công ty có 04 thành viên. HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ cơ bản sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Báo cáo cho ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cổ tức dự kiến, báo cáo tài chính, kế hoạch dự kiến;
- Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu trữ theo đúng quy định.

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu trữ theo đúng quy định.

Trong năm 2013, ĐHĐCĐ Công ty đã ban hành Nghị quyết số 53/NQ – ĐHĐCĐ – NHS ngày 02/04/2013 miễn nhiệm Bà Phạm Thị Hồng Hoa – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và bổ nhiệm Ông Phan Vũ Hùng làm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty thay thế.

ĐHĐCĐ Công ty cũng đã bầu bổ sung Ông Nguyễn Hoài Nam làm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty theo Nghị quyết số 53/NQ – ĐHĐCĐ – NHS ngày 02/04/2013. Ông Nguyễn Hoài Nam đã miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm và theo Quyết định của HĐQT Công ty số 242/2013/QĐ - HĐQT ngày 05/12/2013.

- » Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ của Công ty, tại thời điểm 31/12/2013, Ban Kiểm soát Công ty có 03 thành viên. Ban Kiểm soát có các trách nhiệm chính sau:
 - Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt

động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty và đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- » Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, tại thời điểm 31/12/2013, Ban Tổng Giám đốc có 04 thành viên. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chính sau:
- Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
 - Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của BTGD;
 - Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

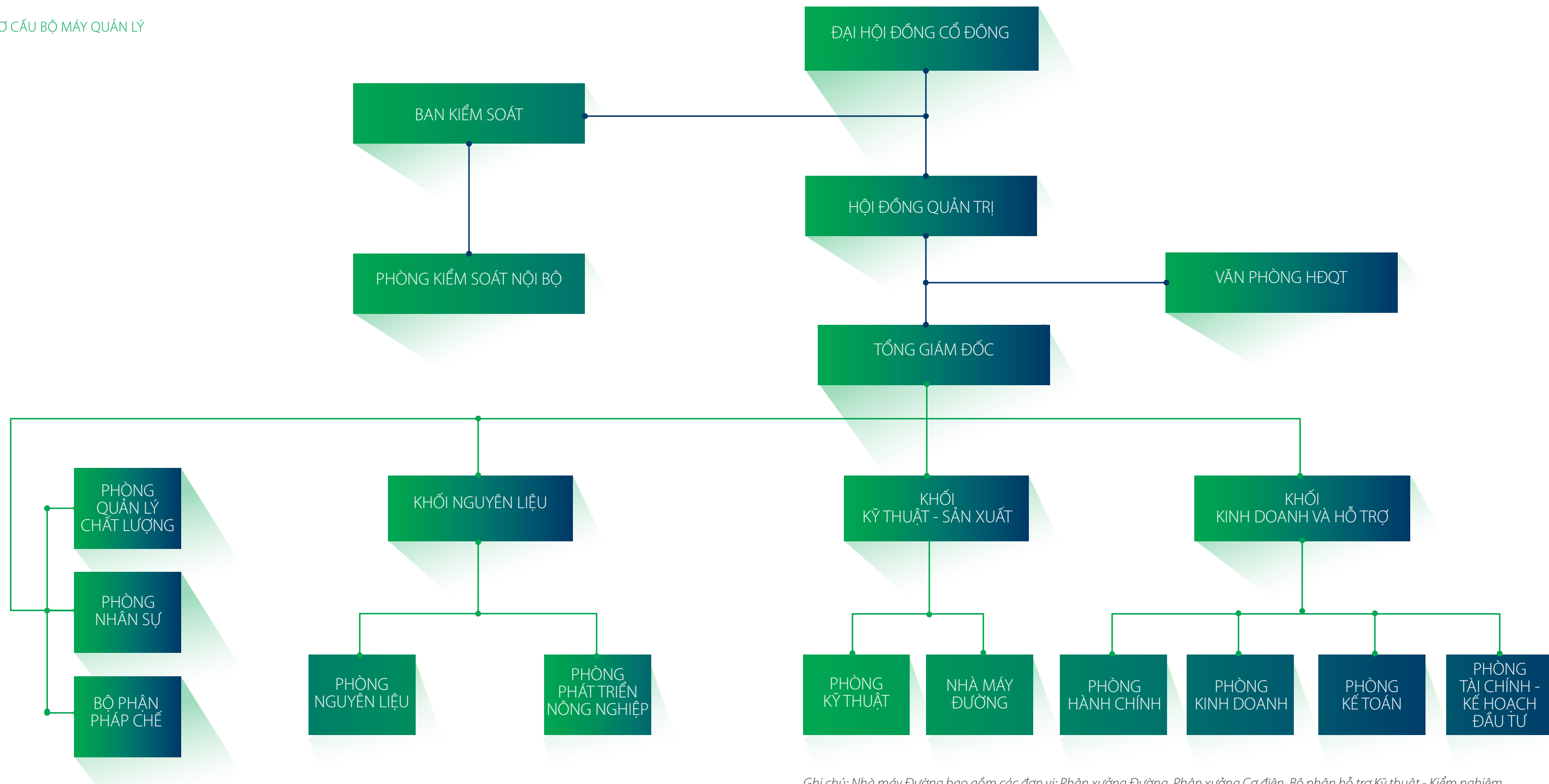
Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị Công ty năm 2013

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
1.	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/08/2012
2.	Bà Phạm Thị Hồng Hoa	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2011; Từ nhiệm ngày 02/04/2013
3.	Ông Trầm Kim Dũng	TV. HĐQT kiêm TGD	Bổ nhiệm ngày 04/09/2012
4.	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	TV. HĐQT kiêm PTGD	Bổ nhiệm ngày 25/04/2012
5.	Ông Phan Vũ Hùng	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2013
6.	Ông Nguyễn Hoài Nam	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2013; Từ nhiệm ngày 05/12/2013



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Ghi chú: Nhà máy Đường bao gồm các đơn vị: Phân xưởng Đường, Phân xưởng Cơ điện, Bộ phận hỗ trợ Kỹ thuật - Kiểm nghiệm

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



1 CÔNG TY CP BÒ GIỐNG MIỀN TRUNG

- Địa chỉ: Quốc lộ 26, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
- Hình thức sở hữu: Công ty con
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất phân bón, lai tạo và cung cấp bò giống
- Vốn thực góp của Công ty: 7.361.950.000 đồng

4 CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG 333

- Địa chỉ: Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk
- Hình thức sở hữu: Công ty liên kết
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất đường RS
- Vốn thực góp của Công ty: 35.089.810.000 đồng



2 CÔNG TY TNHH MTV NHIỆT ĐIỆN NINH HÒA

- Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
- Hình thức sở hữu: Công ty con
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Vốn thực góp của Công ty: 92.000.000.000 đồng



5 CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

- Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai
- Hình thức sở hữu: Công ty liên kết
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất đường
- Vốn thực góp của Công ty: 64.000.000.000 đồng



3 CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG PHAN RANG

- Địa chỉ: 160 Bắc Ái, Phường Đô Vinh, Tỉnh Ninh Thuận
- Hình thức sở hữu: Công ty con
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất đường RS
- Vốn thực góp của Công ty: 16.191.980.000 đồng



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) hàng năm không thấp hơn 12%/năm.
- » Nâng công suất chế biến lên 6.000 TMN, đạt sản lượng 80.000 tấn đường vào năm 2016 - 2017; hướng đến công suất 10.000 TMN vào năm 2020.
- » Đầu tư hệ thống phát điện sử dụng bã mía làm nhiên liệu cung cấp cho lưới điện quốc gia với sản lượng điện đạt 50.000 Mwh từ năm 2015.
- » Đầu tư sản xuất phân bón vi sinh cung cấp cho nông dân trồng mía và nhu cầu sử dụng trong vùng từ năm 2016. Nghiên cứu lựa chọn đầu tư vào các công ty có ngành nghề liên quan trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên để tăng sức cạnh tranh trong khu vực.
- » Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực, tâm huyết, năng động đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- » Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp.
- » Hướng đến mục tiêu sản xuất với công nghệ sạch và thân thiện với môi trường.

CÔNG SUẤT CHẾ BIẾN

6.000 TMN

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG

80.000 tấn

SẢN LƯỢNG ĐIỆN

50.000 Mwh

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

» Định hướng chiến lược đến năm 2020

Phát triển Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa trên cơ sở phát huy tối ưu ngành mía đường, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nhằm tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh, trở thành một doanh nghiệp mạnh của cả nước và khu vực.

» Kế hoạch phát triển trung hạn đến năm 2015

• Nông nghiệp và kỹ thuật:

Đầu tư phát triển mở rộng vùng nguyên liệu mía với diện tích đầu tư trên 10.800 ha. Thu mua mía nguyên liệu kết hợp thu nợ đầu tư vụ 2013 - 2014 bảo toàn vốn đầu tư, đáp ứng số lượng và chất lượng mía nguyên liệu theo nhu cầu chế biến của nhà máy.

Hoàn thành dự án nâng công suất lên 6.000 TMN (giai đoạn 2 từ 5.200 TMN lên 6.000 TMN) vào cuối năm 2014.

• Đối với môi trường:

Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, bảo vệ môi trường trong sạch.

• Đối với xã hội và cộng đồng:

"Đồng hành với địa phương, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng" là mục tiêu Công ty đối với xã hội. Sự phồn vinh của xã hội gắn liền với sự phát triển Công ty. Không ngừng nỗ lực, nâng cao trách nhiệm đối với xã hội bằng những hành động thiết thực: ủng hộ đồng bào lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ vì người nghèo.

CÁC RỦI RO



Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (chi phí nguyên liệu chiếm 80% giá thành sản xuất đường) vì vậy biến động nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp giá thành sản phẩm của Công ty.



Nhu cầu sử dụng của bất kỳ sản phẩm nào cũng phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Nhu cầu sử dụng của bất kỳ sản phẩm nào cũng phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Sản phẩm đường Ninh Hòa cũng không nằm ngoài quy luật đó, sản phẩm chủ yếu của Công ty là đường, mặt hàng thiết yếu được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày, sử dụng trong các ngành công nghiệp chế biến như thực phẩm, nước uống... Do vậy, nếu nền kinh tế phát triển cao và tăng trưởng ổn định, khả năng tiêu thụ các sản phẩm từ đường sẽ nhiều hơn và ngược lại. Năm 2014, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ cải thiện, điều này hy vọng sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự tăng trưởng của ngành chế biến thực phẩm và nhu cầu tiêu thụ đường.

Bên cạnh đó lãi suất ngân hàng cũng là một yếu tố rủi ro đối với Công ty. Trong năm vừa qua, do lãi suất vay bình quân giảm so với các năm trước đã góp phần vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. Dự báo trong năm 2014, lãi suất sẽ không có nhiều biến động so với 2013, tuy nhiên chi phí lãi vay vẫn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu chi phí của Công ty. Do đó, nếu lãi suất vay biến động tăng so với dự báo sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, chịu sự điều tiết và quản lý của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành sẽ ảnh hưởng đến hoạt động Công ty.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty sản xuất kinh doanh đường trong thời gian qua đó là tình hình biến động về giá đường. Năm 2013 vừa qua, ngành đường thế giới tiếp tục chu kỳ giảm giá với sản lượng thặng dư đạt mức kỷ lục 10,2 triệu tấn, ngành đường trong nước đối mặt khó khăn kép khi lần đầu tiên sản xuất đạt thặng dư, cộng thêm tình trạng đường nhập lậu chưa được kiểm soát tốt khiến cho tình hình tiêu thụ khó khăn, tồn kho tăng cao, các nhà máy đường buộc

phải giảm giá mạnh để giải phóng hàng tồn, trang trải kịp thời các khoản nợ vay, chi phí hoạt động,... Điều này tác động rõ rệt đến kết quả kinh doanh năm 2013 của rất nhiều công ty ngành đường.

Năm 2014 được dự báo tiếp tục là một năm khó khăn của ngành đường thế giới cũng như trong nước khi ước tính thặng dư của toàn thế giới vụ 2013/2014 khoảng 4,5 triệu tấn. Sản lượng sản xuất trong nước dự kiến tiếp tục thặng dư nhưng mức độ thặng dư sẽ thấp hơn 2013 do một số nhà máy không đủ nguyên liệu sản xuất trong vụ sản xuất 2013 - 2014, tình hình đường nhập lậu vẫn chưa hạ nhiệt. Như vậy, khả năng giảm giá đường vẫn có thể tiếp tục xảy ra trong năm nay. Tuy nhiên, kế hoạch kinh doanh 2014 của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đã dự báo các kịch bản khi giá đường giảm và có những giải pháp chủ động trong quản lý nông nghiệp, sản xuất, kiểm soát chặt chẽ các hạng mục chi phí hoạt động,... điều này sẽ giúp Công ty duy trì được hiệu quả kinh doanh và về lâu dài sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất đường trong khu vực.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (chi phí nguyên liệu chiếm khoảng 80% giá thành sản xuất đường), vì vậy biến động nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp giá thành sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, giá mía trên thị trường biến động thất thường, mang lại tâm lý không ổn định cho người trồng mía, dẫn đến việc các hộ trồng mía chuyển sang trồng những loại cây trồng khác mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, thu hẹp diện tích vùng nguyên liệu. Việc biến động và thiếu ổn định của nguồn nguyên liệu sẽ gây ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro bất khả kháng như thời tiết khắc nghiệt, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn... nếu xảy ra trên quy mô lớn sẽ gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Thặng dư của toàn thế giới vụ 2013/2014 khoảng 4,5 triệu tấn.



ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN năng lực sản xuất

Khai thác thế mạnh về vùng nguyên liệu, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa không ngừng phát huy nguồn nội lực, cải tiến dây chuyền, thiết bị sản xuất nhằm phát huy tối đa công suất chế biến của nhà máy, tiết giảm giá thành sản xuất đồng thời mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, uy tín.



SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG NĂM 2013

61.495 tấn



SẢN LƯỢNG MẬT RỈ NĂM 2013

26.301 tấn



SẢN LƯỢNG ĐIỆN THƯƠNG PHẨM NĂM 2013

4.172 Mwh

TÌNH HÌNH HĐKD NĂM 2013

- 26 | Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm
- 28 | Tổ chức nhân sự
- 32 | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 34 | Tình hình tài chính
- 35 | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

» Doanh thu

Cơ cấu doanh thu năm 2013 (đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (giảm)
Doanh thu thuần	933,67	1.015,19	8,73
• Đường kính trắng	782,45	853,62	9,10
• Mật rỉ	35,64	38,92	9,21
• Phân bón	93,48	98,29	5,15
• Doanh thu khác	22,10	24,36	10,26
Doanh thu HĐ Tài chính	54,27	33,81	-37,69
Thu nhập khác	7,31	45,33	519,81

Đường kính trắng là sản phẩm chủ lực của Công ty, chiếm tỷ trọng cao trên 84% trong cơ cấu doanh thu thuần hàng năm. Năm 2013, doanh thu đường kính trắng đạt 853,62 tỷ đồng, tăng 9,10% so với cùng kỳ, đồng thời doanh thu các phụ phẩm mật rỉ cũng tăng so với cùng kỳ năm 2012.

» Chi phí

Cơ cấu chi phí năm 2013 (đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (giảm)
Giá vốn hàng bán	800,48	859,93	7,43
Chi phí hoạt động tài chính	67,47	41,00	-39,23
Chi phí bán hàng	9,96	22,32	124,10
Chi phí quản lý DN	25,37	35,84	41,27
Chi phí khác	3,27	35,89	998,52

Giá vốn hàng bán Công ty chiếm 84% doanh thu thuần năm 2013, thấp hơn so với mức 85% của năm 2012. Mặc dù giá đường giảm mạnh nhưng các khoản mục chi phí giá thành được Công ty kiểm soát khá tốt nên vẫn duy trì được tỷ lệ lãi gộp ở mức bình quân của năm trước. Chi phí bán hàng tăng 124% so với cùng kỳ do tăng trong chi phí vận chuyển, thuê kho và chi phí bao bì. Trong năm phát sinh thanh lý tài sản nên khoản mục chi phí khác cũng tăng cao đột biến.

» Lợi nhuận sau thuế

Cơ cấu lợi nhuận sau thuế năm 2013 (đơn vị: tỷ đồng)

LỢI NHUẬN	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (giảm)
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	133,18	155,27	16,59
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	84,65	89,93	6,23
Lợi nhuận khác	4,05	9,44	133,27
Lợi nhuận trước thuế	88,70	99,37	12,02
Lợi nhuận sau thuế	72,58	78,38	7,99

Mặc dù trong suốt năm 2013, các doanh nghiệp ngành đường luôn phải đối mặt với áp lực giảm giá, nhưng Công ty đã nhạy bén, chọn thời điểm thuận lợi để đẩy mạnh tiêu thụ, cùng với lãi suất vay ngân hàng được giữ ổn định ở mức thấp cũng giúp Công ty tiết kiệm được chi phí lãi vay đáng kể so với năm 2012. Kết quả lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ cả năm đạt 99,3 tỷ đồng, vượt 97,93% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính tăng trưởng 6,23%, lợi nhuận khác tăng 133,27% trong đó hoạt động thanh lý tài sản đã mang lại lợi nhuận gần 6 tỷ đồng.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Trong năm qua, Công ty đã đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang và thành lập Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa nhằm ổn định vùng nguyên liệu, cộng hưởng các thế mạnh của các đơn vị cùng ngành, chuyên môn hóa hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng từ bã mía. Các hoạt động đầu tư trên thực hiện vào thời điểm cuối năm nên không ảnh hưởng đến báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất nhưng đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng hiệu quả chung của toàn Công ty.

KẾT QUẢ HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (giảm)
Tổng tài sản	913,42	1.861,71	103,82
Doanh thu thuần	934,61	1.015,03	8,60
Lợi nhuận từ HĐKD	90,08	87,39	-2,99
Lợi nhuận khác	3,61	9,35	159,12
Lợi nhuận chia từ các Công ty liên kết	6,87	18,32	166,68
Lợi nhuận trước thuế	100,56	115,06	14,42
Lợi nhuận sau thuế	81,21	91,42	12,56

Kết quả kinh doanh hợp nhất khá khả quan khi doanh thu tăng trưởng 8,6%, lợi nhuận trước thuế tăng 14,42% so với năm 2012. Trong đó, mặc dù lợi nhuận từ HĐKD giảm 2,99% nhưng phần tăng từ lợi nhuận chia từ các Công ty liên kết (đã cản trở với khoản phân bổ lợi thế thương mại) và tăng lợi nhuận khác đã đóng góp đáng kể vào mức tăng chung. Ngoài trừ Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung chưa có lợi nhuận, ngoài hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ còn có sự đóng góp từ kết quả kinh doanh đều vượt kế hoạch của các Công ty liên kết khác. Điều này chứng minh rằng, hoạt động đầu tư vào các Công ty cùng ngành và liên quan ngành đã mang lại những hiệu quả tích cực cho Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
A. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/08/2012
2	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Bổ nhiệm ngày 02/01/2013
3	Ông Vũ Thành Châu	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật	Bổ nhiệm ngày 02/01/2013
4	Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2011 Miễn nhiệm ngày 25/01/2013

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc năm 2013 và Kế toán trưởng Công ty:

STT	Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
B. KẾ TOÁN TRƯỞNG			
5	Võ Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 15/07/2013

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê An Khang – Phó Tổng Giám đốc Công ty miễn nhiệm ngày 25/01/2013 theo Quyết định của HĐQT Công ty số 21/2013/QĐ – HĐQT ngày 25/01/2013.



Ông Trầm Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam
CMND : 220320241
Ngày sinh : 17/12/1964
Nơi sinh : Bến Tre
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Diên An, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú : 342B đường Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế công nghiệp
Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 31/12/2013): 86.156 cổ phần

Giới tính : Nam
CMND : 311881821
Ngày sinh : 12/02/1987
Nơi sinh : Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang
Địa chỉ thường trú : 731/1 ấp Thân Bình, Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 31/12/2013): 100.000 cổ phần



Ông Nguyễn Thanh Ngữ
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Giới tính : Nam
CMND : 020420615
Ngày sinh : 19/09/1959
Nơi sinh : Hải Phòng
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Diên An, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú : 320/486 CMT8, Phường 5, Quận Tân Bình, TPHCM
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kỹ thuật công nghiệp
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 31/12/2013): 4.425 cổ phần



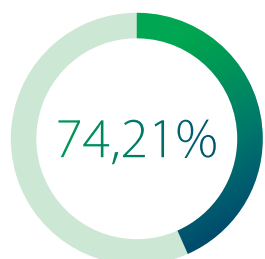
Ông Vũ Thành Châu
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật



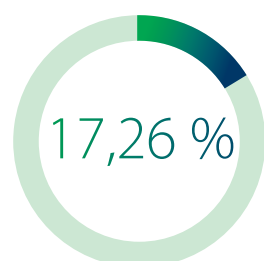
Bà Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Giới tính : Nữ
CMND : 220886978
Ngày sinh : 16/04/1974
Nơi sinh : Khánh Hòa
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú : Vĩnh Phước, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 31/12/2013): 3.375 cổ phần

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)



Số lượng lao động phân theo độ tuổi từ 25 tuổi đến dưới 45 tuổi



Số lượng lao động có trình độ đại học

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tình hình lao động tính đến ngày 31/12/2013

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Số lượng lao động	504	100
Phân theo độ tuổi		
- Từ 18 tuổi đến dưới 25 tuổi	72	14,29
- Từ 25 tuổi đến dưới 35 tuổi	200	39,68
- Từ 35 tuổi đến dưới 45 tuổi	174	34,52
- Trên 45 tuổi	58	11,51
Phân theo trình độ		
- Trên Đại học	2	0,40
- Đại học	87	17,26
- Cao đẳng	26	5,16
- Trung cấp	64	12,70
- Lao động phổ thông	325	64,48



Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tạo động lực để CBNV nâng cao hiệu suất công việc và chất lượng lao động.



Nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ CBNV yêu thích công việc và tâm huyết với nghề, gắn bó với sự phát triển của Công ty, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ chính sách phù hợp dành cho người lao động bao gồm:

- » Chính sách đối với người lao động: thực hiện theo đúng Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể của Công ty và Bộ luật Lao động hiện hành.
- » Đảm bảo việc làm cho người lao động, thu nhập của người lao động ngày càng được cải thiện.
- » Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.
- » Công ty luôn xây dựng và duy trì chính sách khen thưởng kịp thời đối với tập thể và cá nhân có công đóng góp cho Công ty nhưng cũng có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân làm ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.
- » Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tạo động lực để CBNV nâng cao hiệu suất công việc và chất lượng lao động.
- » Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm nâng cao chất lượng lao động.
- » Tất cả các CBNV chính thức của Công ty đều được hưởng các chế độ phụ cấp và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo yêu cầu công việc, nhân viên còn được nhận các khoản phụ cấp khác như phụ cấp công tác, phụ cấp độc hại...
- » Bên cạnh thực hiện các chính sách phúc lợi dành cho người lao động theo quy định pháp luật, Công ty còn áp dụng các chương trình khác như: hỗ trợ ăn trưa, khen thưởng nhân dịp các ngày lễ lớn, tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm, tặng quà sinh nhật, kết hôn...



Tổng số nhân viên

504 người

Lao động phổ thông

325 người

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

» Đầu tư dự án nâng công suất chế biến

Trong năm 2013, Công ty đã triển khai thực hiện các dự án nâng công suất chế biến từ 4.300 TMN lên 5.200 TMN (giai đoạn 1) với mục đích nâng công suất hoạt động nhà máy lên 6.000 TMN. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 120 tỷ đồng và đưa vào hoạt động vụ ép 2013 - 2014.

» Đầu tư tài chính

Giá trị đầu tư vào các Công ty liên quan tại thời điểm 31/12/2013



Công ty	31/12/2013		
	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	Giá trị đầu tư (đồng)
Công ty CP Bò Giống Miền Trung	736.195	62,92	15.278.135.340
Công ty CP Mía đường Phan Rang	1.619.198	51,68	24.128.664.847
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	-	30,70	92.000.000.000
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC)	6.400.000	22,98	112.918.628.178
Công ty CP Mía Đường 333	3.508.981	42,10	42.606.399.724
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường TTC	420.000	14,00	4.200.000.000
Công ty CP Điện Gia Lai (GEC)	7.000.000	13,39	84.000.000.000
Công ty CP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10,00	19.500.000.000
Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS)	116.648	0,18	1.401.234.798

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

» Công ty Cổ phần Bò Giống Miền Trung

Hoạt động chính là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác.

Công ty CP Đường Ninh Hòa sở hữu 736.195 cổ phiếu, chiếm 62,92% vốn điều lệ Công ty CP Bò giống Miền Trung. Lợi nhuận sau thuế Công ty âm 50,19 triệu đồng, nguyên nhân do Công ty đang quy hoạch lại diện tích đất trồng cỏ, trồng mía và cải tạo lại đất, vì vậy năm 2013 doanh thu từ hoạt động trồng mía thấp.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP THEO)

» Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang

Hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; ...

Công ty sở hữu 1.619.198 cổ phiếu, chiếm 51,68% vốn điều lệ Công ty Mía Đường Phan Rang. Năm 2013, doanh thu thuần Công ty đạt 237,14 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 11,59 tỷ đồng, vượt 644% so với KH.

» Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (NHE)

Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa được thành lập gắn liền với dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện bã mía Ninh Hòa, với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án là 345,2 tỷ đồng.

Công ty CP Đường Ninh Hòa đã góp 92 tỷ đồng, tương đương 30,7% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa. Do Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa mới được thành lập từ tháng 10/2013 nên tình hình hoạt động và tình hình tài chính chưa có số liệu.

» Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC)

Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất đường và các sản phẩm sau đường; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; chế biến hàng nông sản (trừ mùn cao su); bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mùn cao su); kinh doanh vận tải hàng hóa; gia công cơ khí; ...

Công ty CP Đường Ninh Hòa sở hữu 6.400.000 cổ phiếu, chiếm 22,98% vốn điều lệ SEC tại thời điểm 31/12/2013. Năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh đạt kết quả cao, doanh thu thuần 733,79 tỷ đồng, đạt 99% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế 45,763 tỷ đồng đạt 147% so với kế hoạch.

» Công ty Cổ phần Mía đường 333 (S33)

Hoạt động chính của Công ty CP Mía Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; ...

Công ty CP Đường Ninh Hòa sở hữu 3.508.981 cổ phiếu, chiếm 41,9% vốn điều lệ Công ty Đường 333. Doanh thu thuần năm 2013 là 561,85 tỷ đồng, đạt 101,74% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 24,92 tỷ đồng, đạt 166% so với kế hoạch.

DOANH THU THUẦN CỦA SEC
(CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

733,79 tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA S33
(CTCP Mía đường 333)

24,92 tỷ đồng



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính Công ty năm 2013 (đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		
	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng tài sản	866,41	1.657,32	91,29
Doanh thu thuần	933,67	1.015,19	8,73
Lợi nhuận từ HĐKD	84,65	89,93	6,23
Lợi nhuận khác	4,05	9,44	133,27
Lợi nhuận trước thuế	88,70	99,37	12,02
Lợi nhuận sau thuế	72,58	78,38	7,99
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	15%	- 50

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,08	1,15	1,09	1,26
» Hệ số thanh toán nhanh	0,84	1,07	0,85	1,14
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,4	0,50	0,40	0,51
» Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,66	0,98	0,67	1,06
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho	16,04	14,68	16,04	11,06
» Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,28	0,80	1,24	0,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	7,77%	7,72%	8,69%	9,01%
» Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	18,67%	11,70%	19,89%	12,77%
» Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	9,92%	6,21%	10,75%	6,59%
» Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	9,07%	8,86%	9,64%	8,61%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- » Tổng số cổ phần: 60.750.000
- » Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- » Số lượng cổ phần đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2013): 30.375.000
- » Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 30.375.000
- » Số lượng cổ phần chờ đăng ký lưu hành: 30.375.000
- » Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2013)

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Phân theo tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu	14.347.043	47,2
2	Cổ đông sở hữu từ 1 - 5% cổ phiếu	9.998.060	32,9
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu	6.029.897	19,9
Phân theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	29.311.988	96,5
2	Cổ đông nước ngoài	1.063.012	3,5
Phân theo cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức			
1	Cổ đông cá nhân	13.949.590	45,9
2	Cổ đông tổ chức	16.425.410	54,1

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2013, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 303,75 tỷ đồng lên 607,50 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ chào bán 1:1 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua tại Nghị quyết số 53/NQ – ĐHCĐ - NHS ngày 02/04/2013. Công ty đã hoàn tất và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 18/12/2013.

KHÔNG NGỪNG nâng cao giá trị

Mỗi năm cung ứng cho thị trường hơn 60.659 tấn đường, Công ty Cổ Phần Đường Ninh Hòa đã góp phần vào sự phát triển ổn định của nhiều doanh nghiệp bánh kẹo, sữa, nước giải khát... mang lại những giá trị to lớn cho Công ty nói riêng và xã hội nói chung.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- 38 Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
- 39 Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2013
- 44 Những hoạt động nổi bật trong năm 2013
- 45 Tình hình tài chính
- 46 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động
- 48 Kế hoạch, định hướng của HĐQT

DOANH THU THUẦN CÔNG TY MẸ (ĐVT: TỶ ĐỒNG)
1.015,19

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CÔNG TY MẸ (ĐVT: TỶ ĐỒNG)
99,3

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT (ĐVT: TỶ ĐỒNG)
115,06

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Ngành đường trong nước cũng đối mặt với rất nhiều khó khăn do lần đầu tiên cung vượt cầu sau nhiều năm thiếu hụt, chỉ riêng lượng đường sản xuất trong nước đã đạt 1,6 triệu tấn.

TÌNH HÌNH CHUNG

Kinh tế toàn cầu tiếp tục trải qua một năm với rất nhiều khó khăn và thách thức kể từ sau cuộc khủng hoảng năm 2007 – 2008, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2013 chỉ ước đạt 2,3% thấp hơn so với dự báo đầu năm. Giá cả hàng hóa trong năm liên tục suy giảm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao ở hầu hết các nước, đặc biệt là khu vực Châu Âu...

Đối với kinh tế Việt Nam, những yếu kém nội tại của nền kinh tế trong nước tiếp tục bộc lộ rõ tăng trưởng kinh tế chỉ ước đạt 5,42% thấp hơn so với kế hoạch đặt ra là 5,5% - mức thấp trong hàng chục năm qua.

NGÀNH ĐƯỜNG

Năm 2013, ngành đường thế giới tiếp tục chu kỳ giảm giá với sản lượng đường thặng dư kỷ lục 10,2 triệu tấn. Ngành đường trong nước cũng đối mặt với rất nhiều khó khăn do lần đầu tiên cung vượt cầu sau nhiều năm thiếu hụt, chỉ riêng lượng đường sản xuất trong nước đã đạt 1,6 triệu tấn trong khi tiêu thụ chỉ đạt 1,43 triệu tấn, thặng dư khoảng 170.000 tấn đường, chủ yếu là sản

Bên cạnh những khó khăn chung, kinh tế Việt Nam cũng chứng kiến sự hội nhập sâu vào sự phát triển chung của kinh tế thế giới. Lượng vốn FDI đăng ký đạt khoảng 22 tỷ USD và lượng giải ngân đạt khoảng 12 tỷ USD, đây chính là động lực cho sự gia tăng của xuất khẩu giúp ổn định tỷ giá trong năm vừa qua. Ngoài ra, một sự kiện đáng chú ý trong năm 2013 là việc Việt Nam bắt đầu tiến trình đàm phán đàm phán gia nhập TPP – đây là cơ hội đối với các doanh nghiệp biết nắm bắt, nhưng cũng là những thách thức lớn cho các doanh nghiệp Việt chậm thay đổi, yếu kém về năng lực cạnh tranh trong những năm tới khi các doanh nghiệp có đủ điều kiện tham gia thị trường tự do, cạnh tranh trực tiếp với các công ty đa quốc gia hùng mạnh trên thế giới và ngược lại.

lượng đường RE – cũng gây sức ép không nhỏ lên đường RS. Ngoài ra, còn phải kể đến một yếu tố quan trọng là tình trạng đường lậu chưa được kiểm soát tốt khiến cho giá đường suy giảm liên tục, tình hình tiêu thụ khó khăn, tồn kho cao, lợi nhuận của các doanh nghiệp giảm mạnh, thậm chí nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ.



Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2013 chỉ ước đạt 2,3%.



Lượng vốn FDI đăng ký đạt khoảng 22 tỷ USD.



Lượng giải ngân đạt khoảng 12 tỷ USD.



Lượng đường tiêu thụ chỉ đạt 1,43 triệu tấn.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2013	TH 2013	% so KH	TH 2012	% (+/-) so 2012
A	Sản lượng mía ép	Tấn	600.000	612.393	102,07	562.623	8,85
B	Sản lượng sản xuất	Tấn	60.000	60.759	101,27	53.238	14,13
C	Kết quả kinh doanh						
1	Doanh thu thuần Công ty mẹ	Tỷ đồng	976,69	1.015,19	103,94	933,66	8,73
2	LNTT Công ty mẹ	Tỷ đồng	50,17	99,3	197,93	88,7	11,95
3	LNST Công ty mẹ	Tỷ đồng	37,63	78,38	208,29	72,58	7,99

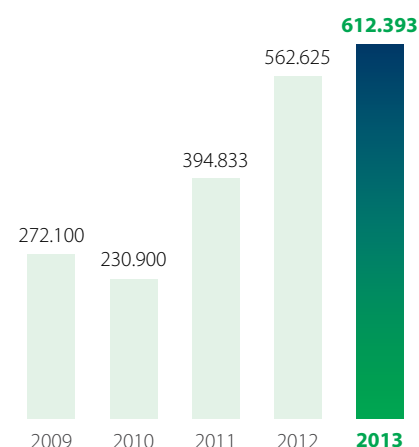




KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013 (TIẾP THEO)

SẢN LƯỢNG MÍA ÉP (ĐVT: tấn)

612.393 tấn (năm 2013)



■ Diện tích đầu tư (ha)
■ Diện tích vùng nguyên liệu (ha)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

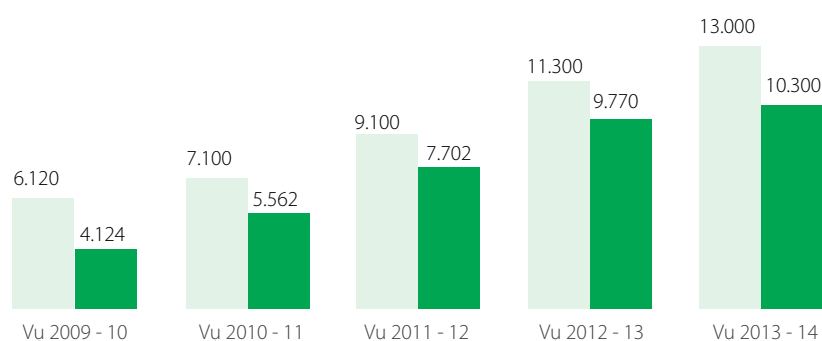
» Công tác thu mua mía nguyên liệu năm 2013

Công ty đã hoàn tất công tác thu mua nguyên liệu và đạt 102,7% so với kế hoạch đề ra. Tổng giá trị thu nợ đầu tư vụ 2012 - 2013 trong năm là 202,936 tỷ đồng, đạt 99,65% giá trị phải thu (203,659 tỷ đồng).

Hướng tới nâng cao năng suất và chất lượng mía, ngay từ đầu vụ 2013 - 2014 Công ty giảm dần chính sách bảo hiểm chừa đường từ 10 CCS xuống còn 8,5 CCS đầu vụ. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã có những biện pháp mạnh để kiểm soát tỷ lệ mía cháy ở mức dưới 2% khi quy định - giảm giá 8 - 20% đối với mía cháy và không bảo hiểm chừa đường. Đối với công tác quản lý nhằm giảm thất thoát sau thu hoạch, Công ty đã hoàn tất ban hành các hướng dẫn quy chuẩn quản lý chất lượng mía nguyên liệu; các chính sách nhằm khuyến khích xe vận chuyển phủ bạt; thu hoạch mía sát gốc, tạp chất thấp; dùng lạt buộc mía thay ngọn mía. Kết quả tại thời điểm đầu vụ sản xuất 2013 - 2014 đã đạt được những kết quả khả quan như tỷ lệ tạp chất giảm đáng kể chỉ ở mức 4,05% so với vụ trước là 4,5%, chất lượng mía trong tháng 12/2013 đạt 9,57 CCS, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ vụ trước, tỷ lệ mía cháy đầu vụ chỉ ở mức 0,37%.

» Công tác thu mua mía nguyên liệu năm 2013

Để chuẩn bị cho công tác sản xuất vụ 2013 - 2014, Công ty đã đầu tư 182,86 tỷ đồng với diện tích trên 10.300 ha và hoàn tất ký kết các hợp đồng mua bán mía vụ 2013 - 2014 với sản lượng 670.000 tấn.



» Công tác khuyến nông

Nhằm gia tăng năng suất chất lượng mía, Công ty triển khai hỗ trợ bóc lá mía trên diện tích 704 ha trong niên vụ 2013 - 2014, đơn giá hỗ trợ 1.800.000 đồng/ha. Trong năm, Công ty cũng hoàn tất xây dựng bản đồ bình đồ khu tưới nước mía tại Công ty CP Bò giống Miền Trung và đang triển khai để án thiết kế xây dựng hệ thống tưới mía đưa vào sử dụng ngay trong vụ sản xuất 2014 - 2015.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

» Công tác sản xuất

Vụ 2012 - 2013 nhà máy đường vận hành tốt dây chuyền sản xuất đạt công suất ép bình quân 4.450 TMN (công suất thiết kế 4.300 TMN), tổng sản lượng sản xuất trong năm 2013 đạt 60.759 tấn đường.

» Công tác đầu tư nâng công suất

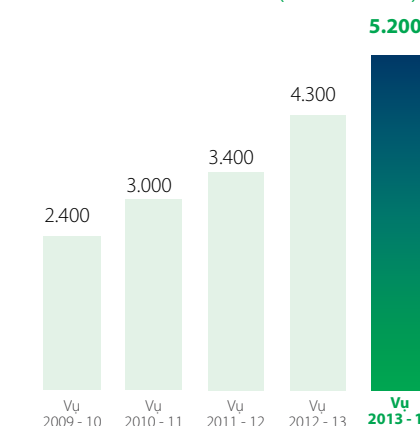
Đối với dự án NCS 6.000 TMN (giai đoạn 1: 5.200 TMN) Công ty đã hoàn tất lắp đặt các hạng mục dự án đảm bảo nhà máy vận hành vào vụ kíp tiến độ sản xuất.

» Công tác đầu tư mở rộng mặt bằng Công ty

Đã hoàn tất công tác đền bù và được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt thỏa thuận diện tích đất xin mở rộng 6,2 ha.

CÔNG SUẤT ÉP THIẾT KẾ (ĐVT: TMN)

5.200 TMN (năm 2013)



CÔNG TÁC KINH DOANH - HỖ TRỢ

» Tình hình tiêu thụ

Năm 2013, tuy tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn với giá đường giảm mạnh, nguồn cung nhiều hơn cầu nhưng với sự linh hoạt trong công tác bán hàng, đa dạng hóa đối tượng khách hàng nên tổng sản lượng tiêu thụ đạt 102,49% so với kế hoạch (60.000 tấn), tương ứng 61.495 tấn đường.

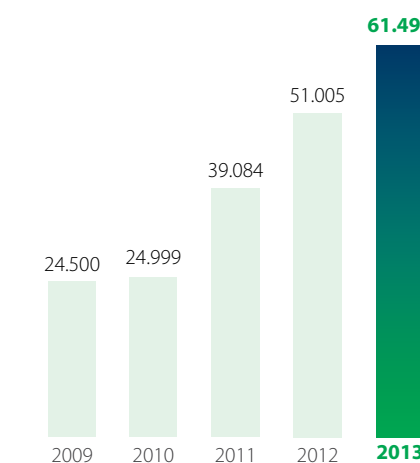
» Tình hình huy động vốn

Trong năm Công ty tranh thủ biến động giảm lãi suất thị trường để giảm chi phí sử dụng vốn vay đảm bảo nguồn vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất vụ mía 2013 - 2014. Chi phí lãi vay trong năm 2013 ở mức 30,75 tỷ đồng, bằng 55,7% so với kế hoạch đặt ra đầu năm. Đối với công tác huy động vốn vay phục vụ cho dự án nâng công suất lên 6.000 TMN, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng dài hạn với Ngân hàng HSBC với giá trị 240 tỷ đồng và ACB Leasing 54 tỷ đồng.

Công ty cũng hoàn thành tăng vốn điều lệ gấp đôi từ 303,7 tỷ đồng lên 607,5 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2012 vào tháng 04/2013.

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG TIÊU THỤ (ĐVT: tấn)

61.495 tấn (năm 2013)



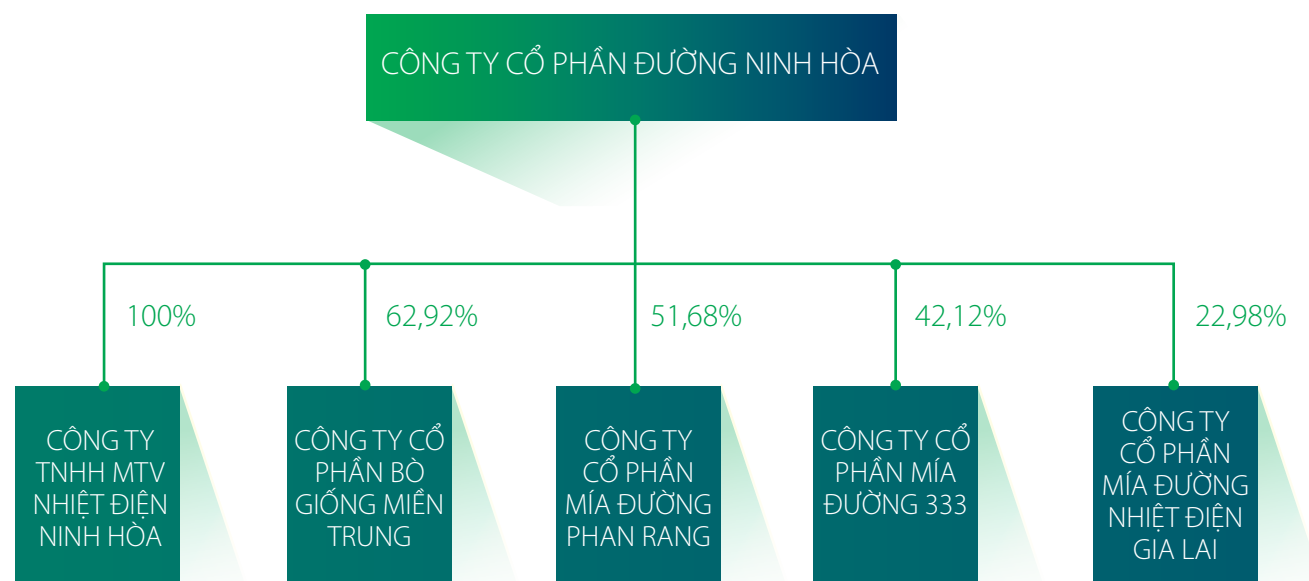
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013 (TIẾP THEO)



CÔNG TÁC KINH DOANH – HỖ TRỢ (TIẾP THEO)

» Tình hình đầu tư tài chính

Với mục tiêu trở thành Công ty đầu ngành lĩnh vực mía đường trong khu vực miền Trung – Tây Nguyên, Công ty đã quan tâm mở rộng và nâng cao tỷ lệ sở hữu tại các Công ty thành viên, nâng tổng giá trị đầu tư tài chính từ 257 tỷ đồng lên 396 tỷ đồng tương ứng tăng khoảng 54%. Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Mía Đường Phan Rang lên 51,68%, tăng tỷ lệ sở hữu tại Bò Giống Miền Trung lên 62,92%, đầu tư góp vốn vào Trung tâm Nghiên cứu ứng Dụng Mía Đường với tỷ lệ sở hữu 14%, góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa với tỷ lệ sở hữu 100%.



» Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản

Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân (CARG) giai đoạn 2009 - 2013 đạt 67,4%/năm, cụ thể tính đến thời điểm 31/12/2013 tổng tài sản của Công ty đạt 1.657 tỷ đồng, tăng 91% so năm 2012.

» Tình hình tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu

Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu bình quân (CARG) giai đoạn 2009 - 2013 đạt 53%, cụ thể đến tháng cuối năm 2013 tổng giá trị nguồn vốn chủ sở hữu đạt 835 tỷ đồng.

» Tình hình tăng trưởng lợi nhuận

Với những lợi thế về kinh nghiệm quản lý, điều hành trong hoạt động sản xuất ngành đường, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nắm bắt được những thời cơ tốt từ biến động thị trường tiêu thụ đường tại từng thời điểm, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của Công ty vẫn ổn định.

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 99,3 tỷ đồng, đạt 197,93% so với kế hoạch đề ra, tăng 12% so với năm 2012.

» Tình hình tuyển dụng đào tạo

Công tác tuyển dụng, đào tạo đã tuyển dụng đủ công nhân thời vụ phục vụ cho mùa vụ 2013 - 2014. Đối với công tác đào tạo trong năm qua, Công ty đã triển khai thực hiện 33 khóa học. Thu nhập người lao động tăng khoảng 2,3% so với năm trước và bình quân đạt 8,05 triệu đồng/người/tháng.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CỦA CÔNG TY MẸ

99,3 tỷ đồng

THU NHẬP NGƯỜI LAO ĐỘNG (BÌNH QUÂN)

8,05 triệu đồng/ người/ tháng



» Tình hình lập quy

Công ty luôn chú trọng công tác xây dựng hệ thống văn bản lập quy nhằm làm cơ sở cho việc vận hành các hoạt động. Kết quả trong năm, Công ty đã thực hiện sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản trong lĩnh vực đầu tư (thu mua nguyên liệu, tài chính), quản lý rủi ro, quản lý tài sản, quản trị Công ty và quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ..., góp phần làm cho các hoạt động tại Công ty thêm nhịp nhàng, hiệu quả và nhanh chóng.

CÔNG TÁC XÃ HỘI:

» Hoàn tất xây dựng và bàn giao 04 căn nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết chương trình mái ấm NHS với tổng kinh phí là 160 triệu đồng.

» Tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội theo chương trình vận động của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể địa phương với tổng kinh phí hơn 400 triệu đồng.



NHỮNG HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013

Từ vụ 2013 - 2014, Công ty triển khai thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng mía sau thu hoạch, kết quả chất lượng mía thời điểm đầu vụ tăng, tỷ lệ tạp chất giảm so với vụ trước.

» Sản xuất được 60.759 tấn đường vượt 1,27% so kế hoạch năm 2013 và tiêu thụ 61.495 tấn đường, 26.301 tấn mật, 4.172 Mwh điện thương phẩm. Tổng doanh thu thuần đạt 1.015,19 tỷ đồng vượt 4% so với kế hoạch và tăng 9% so với năm 2012, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 99,3 tỷ đồng, vượt 97,93% so với kế hoạch đề ra, tăng 12% so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 115 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2012.



DOANH THU THUẦN

1.015,19 tỷ đồng

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG SẢN XUẤT

60.759 tấn

HOÀN TẤT NĂNG CÔNG SUẤT ÉP

5.200 TMN



» Hoàn tất dự án nâng công suất giai đoạn I lên 5.200 TMN kịp tiến độ vào vụ sản xuất 2013 - 2014; đưa dự án Nhà máy Nhiệt điện bã mía Ninh Hòa công suất thiết kế 30 MW với sản lượng điện bán dự kiến 36.000 MWH/năm tăng gấp 10 lần so với hiện nay và hoàn tất thủ tục bán điện theo biểu phí tránh được vào đầu năm 2014 giúp hạ giá thành sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh.

» Từ vụ 2013 - 2014, Công ty triển khai thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng mía sau thu hoạch, kết quả chất lượng mía thời điểm đầu vụ tăng, tỷ lệ tạp chất giảm so với vụ trước.

» Phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên gấp đôi: từ 303,75 tỷ đồng lên 607,50 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2012 vào

tháng 04/2013, đây là một sự thành công lớn trong bối cảnh thị trường chứng khoán còn nhiều âm ảm. Với lần tăng vốn này cũng đánh dấu sự lớn mạnh của Công ty CP Đường Ninh Hòa, trở thành 1 trong 3 doanh nghiệp mía đường có vốn điều lệ và vốn hóa lớn nhất trên sàn chứng khoán hiện nay.

» Nhằm chuẩn hóa lại quá trình hoạt động, tạo ra tính chuyên nghiệp trong hoạt động, Công ty CP Đường Ninh Hòa đã thực hiện sửa đổi, bổ sung, ban hành hàng loạt văn bản trong đó đặc biệt quan tâm ban hành các văn bản phục vụ hoạt động công tác nguyên liệu với các quy chế đầu tư, hướng dẫn quy chuẩn quản lý chất lượng mía nguyên liệu; về hoạt động sản xuất ban hành các quy trình hướng dẫn vận hành, quản lý thiết bị, các công đoạn trong sản xuất.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tình hình tài sản năm 2013 (đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2012	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	775	47	290	33
Tài sản dài hạn	882	53	576	67
Tổng tài sản	1.657	100	866	100

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2013 tăng 791 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển rõ rệt. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 33% lên 47% tương ứng tăng 485 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tình hình nợ phải trả năm 2013 (đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2012	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	672	82	269	75
Nợ dài hạn	150	18	92	25
Nợ phải trả	822	100	361	100

Tổng nợ tại thời điểm cuối năm 2013 tăng 461 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó nợ ngắn hạn tăng 403 tỷ đồng, nợ dài hạn tăng 58 tỷ đồng.

Tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng từ 75% lên 82% trong cơ cấu nợ phải trả. Điều này cũng phù hợp với xu hướng tăng của tài sản ngắn hạn.

Năm 2014, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn huy động được từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ để tài trợ cho việc đầu tư nâng công suất và đầu tư nhà máy sản xuất điện năng từ bã mía.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2013, các cuộc họp định kỳ của HĐQT luôn được tuân thủ để giải quyết các công việc theo tính chất thường trực.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của ĐHQĐ và HĐQT đã ban hành.

» Về công tác tổ chức quản lý

Năm 2013, các cuộc họp định kỳ của HĐQT luôn được tuân thủ để giải quyết các công việc theo tính chất thường trực. HĐQT cũng đã tái bổ nhiệm các cán bộ quản lý căn cứ vào chuyên môn, nghiệp vụ để tiếp tục thực hiện công tác quản lý, điều hành nhân sự Công ty, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT cũng đã thông qua kế hoạch lương năm 2013 và Quy chế tiền lương để toàn thể CBNV trong Công ty nỗ lực phấn đấu vượt chỉ tiêu, kế hoạch được giao.

HĐQT cũng đã ban hành các quy chế, quy định làm việc của HĐQT, nhằm kiện toàn hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý và khuôn khổ cho hoạt động quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân theo các quy định pháp luật.

» Về hoạt động sản xuất kinh doanh

• Công tác nguyên liệu

Hoàn thành tốt công tác thu mua mía nguyên liệu năm 2013 với tổng sản lượng 612.393 tấn mía, chất lượng bình quân vụ mía 2012 - 2013 đạt 9,82 CCS và thu nợ đầu tư là 202,936 tỷ đồng, đạt hơn 99,65% so với tổng giá trị đầu tư phải thu.

Diện tích đầu tư nguyên liệu vụ 2013 - 2014 là 10.300 ha, tăng 5,4% so vụ năm 2012 (9.770 ha).

Chính sách đầu tư, mua mía, thu hoạch và các chính sách hỗ trợ khác của Công ty trong vụ mía 2012-2013 phù hợp với lợi ích của người bán mía, đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh và chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

• Công tác mở rộng nâng công suất dự án

Năm 2013, HĐQT đã ban hành các Quyết định liên quan đến dự án nâng công suất từ 4.300 TMN lên 5.200 TMN để kịp thời phục vụ cho niên vụ 2013-2014, tuy nhiên một số hạng mục của dự án chậm tiến độ nên Công ty đã tiến hành sử dụng đồng thời hệ thống thiết bị cũ, song song lắp đặt thiết bị mới để đảm bảo nhà máy vận hành kịp tiến độ sản xuất.

• Công tác kinh doanh

Năm 2013, tuy tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn với giá đường giảm mạnh, nguồn cung nhiều hơn cầu nhưng với sự linh hoạt trong công tác bán hàng, đa dạng hóa đối tượng khách nên tổng sản lượng tiêu thụ đạt 102,49% so với kế hoạch (60.000 tấn), tương ứng 61.495 tấn đường nhờ việc tập trung khai thác nhóm khách hàng công nghiệp, thương mại...

» Về công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

HĐQT luôn chú trọng công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ cốt cán phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của Công ty; chuẩn bị đội ngũ kế thừa có năng lực đảm bảo sự tiếp nối bền vững giữa các thế hệ cán bộ chủ chốt và cấp quản trị, điều hành của Công ty.

HĐQT đã tập trung chỉ đạo xuyên suốt Ban Tổng Giám đốc chú trọng, quan tâm công tác đào tạo chuyên môn và kỹ năng quản lý cho cán bộ quản lý cấp trung, nâng cao nghiệp vụ cho CBNV tại địa phương hoặc cử đi đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh để đáp ứng quy mô ngày càng mở rộng của Công ty.

Định kỳ kết thúc vụ sản xuất, xét nâng lương cho bộ phận trực tiếp, gián tiếp, trong năm 2013, Công ty đã xét điều chỉnh, nâng lương cho tất cả CBNV bình quân tăng 100,6% so với kế hoạch năm 2013. Thu nhập bình quân năm 2013 là 8,050 triệu đồng/người/tháng, so với năm 2012 là 7,868 triệu đồng/người/tháng.

Với quan điểm cùng đồng hành với địa phương và chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, năm qua Công ty cũng đã đóng góp cho các chương trình xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết. Công ty đã trích từ Quỹ phúc lợi, Quỹ công đoàn để thực hiện chương trình mái ấm NHS cho các CBNV Công ty có hoàn cảnh khó khăn, tổng giá trị hỗ trợ là 80.000.000 đồng/nhà. Trong năm 2013, Công ty đã tài trợ 02 nhà cho CBNV Công ty.

» Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của Điều lệ và nhiệm vụ kế hoạch được giao của năm 2013.

Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc Điều lệ, Quy chế, Quy định Công ty và thực hiện sự chỉ đạo, giám sát của HĐQT và BKS.

Nội bộ đoàn kết, nhất trí và hợp tác, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các thành viên đều tích cực thực hiện trách nhiệm được phân công.

Bên cạnh những ưu điểm, kết quả tích cực, hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn còn một số mặt cần chú ý như:

- Cần phải tiếp tục tăng cường, củng cố tổ chức, cán bộ và công tác chỉ đạo điều hành, nhất là một số lĩnh vực quan trọng như nguyên liệu, công nghệ sản xuất, đầu tư phát triển.

- Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ Công ty trên cơ sở Điều lệ điều chỉnh, sửa đổi và hệ thống các Quy chế, Quy định của HĐQT.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



Định hướng của HĐQT là tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường đầu tư phát triển nguyên liệu và đầu tư xây dựng cơ bản, nâng công suất nhà máy để nâng cao hiệu quả, hạ giá thành cạnh tranh, tạo thế phát triển vững chắc những năm tiếp theo. Phát huy những thành tích đã đạt được và khắc phục các tồn tại trong năm 2013. Đồng thời, trước những dự báo về tình hình sản xuất, tiêu thụ đường, sự biến động giá đường trong những tháng đầu năm 2014, Hội đồng Quản trị đề xuất kế hoạch trên cơ sở khá thận trọng. Kế hoạch đã có tính đến việc tiết giảm giá thành ở mức có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành và những kịch bản về thị trường. Các mục tiêu cụ thể như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014
1	Sản lượng mía ép	Tấn	670.000
2	Đường	Tấn	66.992
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.107,50
4	Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	78,9
5	Cổ tức	%	10%
6	Thu nhập bình quân lao động	Triệu đồng / tháng	8,24



Đầu tư và tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự, trực tiếp tổ chức đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo chất lượng nhân sự cấp quản lý, phục vụ cho mục tiêu phát triển và ổn định hoạt động của Công ty.

NGUYÊN LIỆU

- » Quản lý tốt công tác kiểm soát chất lượng mía nguyên liệu trong các khâu trước, trong và sau thu hoạch.
- » Tập trung phát triển vùng nguyên liệu gần nhằm tiết giảm chi phí vận chuyển.
- » Đẩy mạnh công tác đánh giá phân loại khách hàng, xây dựng chính sách đầu tư, hỗ trợ có trọng tâm, phù hợp với điều kiện thực tế đem lại hiệu quả cao.
- » Tập trung công tác đầu tư thâm canh, thủy lợi, cơ giới hóa khâu chăm sóc, nâng cao sản lượng và chất lượng mía nguyên liệu, giảm giá thành sản xuất nông nghiệp.

DỰ ÁN – SẢN XUẤT

- » Triển khai thực hiện dự án nâng công suất 6.000 TMN (giai đoạn 2 - nâng công suất chế biến từ 5.200 TMN lên 6.000 TMN và phát điện bán lên lưới quốc gia 16 MW đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí.
- » Nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm chất lượng và tiêu chuẩn để cung ứng cho khách hàng sản xuất công nghiệp, nhằm ổn định thị trường tiêu thụ và nâng cao hiệu quả.
- » Xây dựng kế hoạch chi phí giá thành sản phẩm, quản lý tốt chi phí, giảm giá thành, nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.



LĨNH VỰC KHÁC

- » Rà soát các văn bản không còn phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại và sửa đổi bổ sung để kịp thời phục vụ công tác quản lý cho hoạt động của Công ty.
- » Tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh, bổ sung, từng bước chuẩn hóa hệ thống văn bản quy chế, quy định do HĐQT ban hành.
- » Đầu tư và tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự, trực tiếp tổ chức đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo chất lượng nhân sự cấp quản lý, phục vụ cho mục tiêu phát triển và ổn định hoạt động của Công ty.
- » Đưa công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý toàn diện của công ty: vùng nguyên liệu, sản xuất, chi phí, nhân sự.

NỖ LỰC vươn tầm cao mới

Chuẩn bị nội lực cho giai đoạn sắp tới, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa tập trung nâng cao giá trị đầu tư vùng nguyên liệu, nâng cao năng lực chế biến, ổn định chất lượng sản phẩm, linh hoạt trong sản xuất các loại đường thô, RS, RE đáp ứng nhu cầu thị trường.



DOANH THU ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG (ĐVT: TỶ ĐỒNG)

853,62

DOANH THU MẬT RỈ (ĐVT: TỶ ĐỒNG)

38,92

TỶ TRỌNG DOANH THU ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG/TỔNG DOANH THU

84%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 52 | Hội đồng Quản trị
- 54 | Ban Kiểm soát
- 58 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

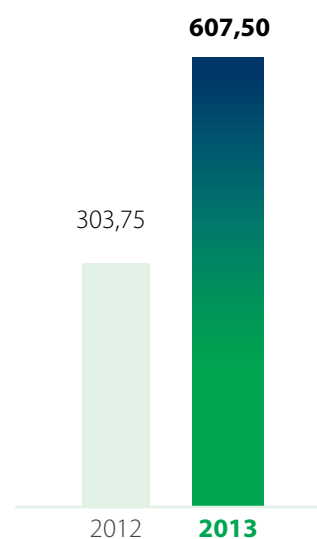
THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	SL CP sở hữu (tính đến 31/12/2013)	Tỷ lệ (%) (tính đến 31/12/2013)	SL chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	110.348	0,36	2
2	Trần Kim Dũng	TV HĐQT	86.156	0,28	2
3	Phan Vũ Hùng	TV HĐQT	-	-	-
4	Nguyễn Thanh Ngữ	TV HĐQT	100.000	0,33	3
5	Nguyễn Hoài Nam	TV HĐQT, từ nhiệm ngày 05/12/2013	-	-	-
6	Phạm Thị Hồng Hoa	TV HĐQT, từ nhiệm ngày 02/04/2013	-	-	1



BIỂU ĐỒ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)



» Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có

» Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

HĐQT hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đường Ninh Hòa và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Trong năm 2013, HĐQT đã tiến hành họp trực tiếp và lấy ý các thành viên HĐQT bằng văn bản để đưa ra các quyết định, hoạch định chiến lược, chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty, một số hoạt động và kết quả chính năm 2013 cụ thể như sau:

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.
- Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 303,75 tỷ đồng lên 607,50 tỷ đồng.
- Hoàn thành việc tạm ứng cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% cho các cổ đông.
- Quyết định đầu tư vào các Công ty con, mua thêm cổ phiếu các Công ty liên kết để tăng tỷ lệ sở hữu, nhằm tối đa hóa lợi nhuận và tăng nguồn thu cho Công ty.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện dự án nâng công suất 6.000 TMN (giai đoạn 1) nhằm mục tiêu cải tạo, nâng công suất chế biến từ 4.300 TMN lên 5.200 TMN và phát điện bán lên lưới quốc gia 16 MW từ vụ sản xuất 2013 - 2014.

STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	21/01/2013	Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013. Báo cáo tiến độ thực hiện đầu tư giai đoạn 1 dự án 6.000 TMN và kế hoạch Quý 1/2013. Thông qua một số nội dung khác.
2	28/02/2013	Phê duyệt phương án góp vốn thành lập Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Mía Đường TTC.
3	01/03/2013	Thông qua phương án vay ngắn hạn và cử đại diện thực hiện quan hệ tín dụng, thế chấp với ngân hàng BIDV.
4	03/05/2013	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 04 tháng đầu năm 2013.
5	28/05/2013	Thông qua báo cáo tiến độ thực hiện dự án 6.000 TMN giai đoạn 1. Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT, ủy quyền thực hiện một số công việc cho Chủ tịch HĐQT, TGD. Thông qua một số nội dung khác.
6	21/10/2013	Phiên họp thường kỳ quý 4/2013.
7	09/12/2013	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn để đầu tư sản xuất phát triển kinh doanh.
8	26/12/2013	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn để đầu tư sản xuất phát triển kinh doanh.

» Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành:

Thực hiện chuyên trách nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng Quản trị ban hành những chủ trương Nghị quyết xác thực từng tình hình cụ thể, đồng thời phối hợp thực thi các Nghị quyết để hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ để ra.

» Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị: không có



BAN KIỂM SOÁT

“HĐQT đã chỉ đạo hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.”

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT



PHẠM CAO SƠN

Trưởng BKS
SL CP sở hữu: 36.000
Tỷ lệ (%): 0,06

BÙI TẤN KHẢI

Thành viên BKS
SL CP sở hữu: 0
Tỷ lệ (%): 0

LƯU MẠNH THỨC

Thành viên BKS
SL CP sở hữu: 0
Tỷ lệ (%): 0

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban trong Công ty; Tham gia xây dựng kế hoạch hành động năm 2014 của Phòng Kiểm soát nội bộ. Tập trung nghiên cứu hệ thống văn bản lập quy của Công ty, tìm hiểu hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, xây dựng đề cương kiểm tra chi tiết cho từng hoạt động.

Tổ chức họp định kỳ hàng quý, thường xuyên trao đổi trực tiếp, qua điện thoại, qua email, các thành viên luôn tham gia các cuộc họp đầy đủ, có sự thống nhất của các thành viên, cụ thể:



STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	Quý 1/2013	<p>Thống nhất đề ra mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2013.</p> <p>Thống nhất một số nội dung Báo cáo hoạt động năm 2013 và kế hoạch năm 2014 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.</p>
2	Quý 2/2013	Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát sau Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3	Quý 3/2013	Phân tích đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty sáu tháng đầu năm 2013.
4	Quý 4/2013	Thống nhất đề cương kiểm tra các phòng/ban trong Công ty để tiến hành kiểm tra vào cuối tháng 08/2013.
		Đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty trong chín tháng đầu năm 2013.

» Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT

- Tháng 12/2013, HĐQT đã thông qua đơn từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Hoài Nam. Việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên mới, được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và sẽ trình thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2013. HĐQT Công ty hiện nay có 04 thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Tổng Giám đốc.
- Trong năm qua, HĐQT đã chỉ đạo hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra, đã định hướng đúng đắn về công tác đầu tư nguyên liệu, chính sách thu mua đảm bảo lợi ích cho người trồng mía; đầu tư dự án nâng công suất từ 4.300 TMN lên 5.200 TMN; xây dựng chính sách nhân sự và quản lý tài chính phù hợp có hiệu quả. Ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước.
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
- HĐQT cũng tổ chức chỉ đạo thực hiện phương án phát hành cổ phiếu thành công nâng tổng vốn điều lệ lên 607,5 tỷ đồng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 trong điều kiện thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn.

» Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Ban Tổng Giám đốc

- Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc có 03 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc Công ty được HĐQT bổ nhiệm. Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức quản lý, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, các chế độ chính sách cho người lao động.
- Trong hoạt động đầu tư nguyên liệu đã xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, chăm lo thu nhập của người trồng mía; thực hiện công tác đầu tư cải tiến thiết bị, công nghệ sản xuất, nâng cấp chiều rộng lẫn chiều sâu dây chuyền sản xuất lên 5.200 TMN, chú trọng công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, thực hiện nhiệm vụ kinh doanh đạt hiệu quả cao so với một số công ty cùng ngành.

**NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ
MÁY TỪ 4.3000 TMN LÊN**

5.200 TMN

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

607,5 tỷ đồng





BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

» Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

So với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao thì chỉ tiêu doanh thu đạt 103,94% và lợi nhuận trước thuế đạt 197,93%.

Nhìn chung, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ cổ đông giao phó. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ Nghị quyết, Quyết định HĐQT ban hành và tạo điều kiện để đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp giao ban hàng tháng.

Để phát huy thành quả đã đạt được, đáp ứng yêu cầu phát triển ổn định và bền vững, trong năm 2014 và những năm tiếp theo, Ban Kiểm soát có những kiến nghị với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Tăng cường công tác quản lý kế hoạch, chủ động trong sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm đường. Dự đoán diễn biến thị trường, nhất là trong tình hình giá đường vẫn tiếp tục giảm mạnh so với những năm trước đây, có chỉ đạo kịp thời để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2014.
- Năm 2014 là năm Công ty thực hiện giai đoạn 2 của dự án nâng công suất nhà máy lên 6.000 TMN, do vậy việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phải tuân thủ đầy đủ và đúng các Quy trình, Quy định của Công ty đảm bảo kịp tiến độ; Lựa chọn các nhà cung cấp uy tín, giá cả cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao nhất.
- Cần chú trọng hơn nữa công tác đầu tư và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững trong tương lai của Công ty.
- Xây dựng chính sách đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu, đặc biệt là các vùng gần nhà máy, giảm chi phí vận chuyển. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong canh tác cây mía, nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong khâu thu hoạch mía. Xây dựng cánh đồng mía mẫu, hệ thống tưới nước với chi phí hợp lý, phấn đấu tăng năng suất và chất lượng mía đáp ứng công suất của dự án 6.000 TMN trong vụ ép 2014 - 2015.
- Trong công tác sản xuất, phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm, duy trì thương hiệu đường trắng thượng hạng, đáp ứng được yêu cầu nghiêm ngặt của các khách hàng sản xuất thực phẩm cao cấp.
- Phát huy và tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát trước, trong và sau thu hoạch mía. Tạo thói quen tốt cho người trồng mía cũng như các chủ phương tiện vận chuyển nhằm có mía nguyên liệu với chất lượng tốt nhất cho sản xuất mang lại hiệu quả cao nhất.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng	Ghi chú
Hội đồng Quản trị						
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT		260.000.000	75.000.000	
2	Trần Kim Dũng	TV. HĐQT		65.000.000	39.700.000	
3	Nguyễn Thanh Ngữ	TV. HĐQT		60.000.000	45.700.000	
4	Nguyễn Hoài Nam	TV. HĐQT		40.000.000	2.200.000	Bổ nhiệm ngày 02/04/2013, từ nhiệm ngày 05/12/2013
5	Phan Vũ Hùng	TV.HĐQT		45.000.000	3.700.000	Bổ nhiệm từ ngày 02/04/2014
6	Phạm Thị Hồng Hoa	TV.HĐQT		20.000.000	42.000.000	Từ nhiệm ngày 02/04/2013
Ban Kiểm soát						
1	Phạm Cao Sơn	Trưởng BKS		65.000.000	47.700.000	
3	Lưu Mạnh Thức	TV. BKS		26.000.000	15.300.000	
3	Bùi Tấn Khải	TV. BKS		18.000.000	1.300.000	Bổ nhiệm ngày 02/04/2013
4	Nguyễn Hồng Nữ	TV. BKS		8.000.000	14.000.000	Từ nhiệm ngày 02/04/2013
Ban Tổng Giám đốc						
1	Trần Kim Dũng	Tổng Giám đốc	1.349.194.507		187.405.000	
2	Nguyễn Thanh Ngữ	Phó TGD	672.518.958		15.000.000	Bổ nhiệm ngày 02/01/2013
3	Lê An Khang	Phó TGD	133.170.000		139.970.000	Từ nhiệm ngày 25/01/2013
4	Vũ Thành Châu	Phó TGD Kỹ Thuật	931.535.373		123.005.000	Bổ nhiệm ngày 19/02/2013
Kế toán trưởng						
1	Võ Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	550.623.557		89.820.000	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐỒNG NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2013)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	150.348	0,49	110.348	0,36	Mua và bán
2	Trần Kim Dũng	TV HĐQT/TGD	136.156	0,44	86.156	0,28	Mua và bán
3	Nguyễn Thanh Ngữ	TV.HĐQT/Phó TGD	100.000	0,33	100.000	0,33	
4	Vũ Thành Châu	Phó TGD Kỹ thuật	26.425	0,087	4.425	0,01	Mua và bán
5	Phạm Cao Sơn	Trưởng BKS	41.000	0,13	14.000	0,05	Mua và bán
6	Võ Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	53.375	0,176	3.375	0,01	Mua và bán
7	Trần Thanh Thịnh	Người được ủy quyền CBTT	35.296	0,12	6	0,00	Mua và bán
8	Công đoàn cơ sở Công ty CP Đường Ninh Hòa	Ông Trần Thanh Thịnh - người được ủy quyền CBTT (Chủ tịch CĐCS Công ty CP Đường Ninh Hòa)	188.180	0,62	23.180	0,08	Mua và bán
9	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Cổ đông lớn	1.488.951	4,9	2.101.531	6,92	Mua và bán

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các chương trình về quản trị Công ty và có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Kim Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Ngữ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Phan Vũ Hùng	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT đã từ nhiệm
6	Phạm Cao Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát
7	Lưu Mạnh Thức	Thành viên Ban Kiểm soát
8	Bùi Tấn Khải	Thành viên Ban Kiểm soát





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS (TIẾP THEO)

CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các cổ đông	Giá trị giao dịch(VNĐ)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	
Bán hàng hóa	323.599.171.160
Mua tài sản cố định	1.082.312.967
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	32.000.000.000
Trả tiền ứng trước mua hàng hóa	-
Vay	12.000.000.000
Trả nợ vay ngắn hạn	12.000.000.000
Chi phí lãi vay	26.666.667
Chi phí lãi vay từ tạm ứng mua hàng hóa	717.692.455
Mua giải pháp kỹ thuật	-
Mua dịch vụ tư vấn	956.426.910
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn	441.884.000
Cổ tức phải trả	8.851.500.000
Lãi do thanh toán chậm	1.400.675.401
Cho vay ngắn hạn	50.000.000.000
Thu nhập lãi vay	179.736.112
Các công ty con	
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	
Bán hàng hóa	4.985.998.083
Thu nhập lãi	115.448.910
Phí quản lý đất	128.907.336
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	
Góp vốn	92.000.000.000
Vay	51.900.000.000
Chi trả hộ	2.663.339.860
Thu nhập lãi từ các khoản vay	571.111.000

Các cổ đông	Giá trị giao dịch(VNĐ)
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang	
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	300.000.000
Thu nhập cổ tức	-
Mua đường	320.285.714
Các công ty liên quan	
Công ty Cổ phần Mía đường 333	
Ứng tiền mua cổ phiếu	-
Thu nhập cổ tức	4.210.777.200
Lãi ứng tiền mua cổ phiếu	209.135.267
Công ty Cổ phần Nhiệt điện – Mía đường Gia Lai	
Thu nhập từ cổ tức	5.200.000.000
Góp vốn cổ phần	24.000.000.000
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	600.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Tiền lương và thù lao	8.359.520.866



NIỀM TIN

vững bền phát triển

Phát huy lợi thế vững mạnh của công ty mẹ, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa luôn cam kết mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở hệ thống quản lý tài chính minh bạch, rõ ràng, tạo niềm tin vững chắc đối với quý cổ đông và nhà đầu tư.



TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN HỢP NHẤT (ĐVT: TỶ ĐỒNG)

1.861



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT (ĐVT: TỶ ĐỒNG)

115,06



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT
SỐ VỚI NĂM 2012 TĂNG

14,42%

Báo cáo tài chính

- 64 | Thông tin chung
- 65 | Báo cáo của Ban Điều hành
- 66 | Báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận	3703000188	ngày 2 tháng 3 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	4200636590	ngày 2 tháng 11 năm 2009
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Thành viên
	Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên
	Ông Phan Vũ Hùng	Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2013)
	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2013 đến ngày 5 tháng 12 năm 2014)
	Bà Phạm Thị Hồng Hoa	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Thành Châu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 1 năm 2013)
	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 1 năm 2013 đến ngày 20 tháng 3 năm 2014)
	Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2013)
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng ban Kiểm soát
	Ông Lưu Mạnh Thức	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2013)
	Bà Nguyễn Hồng Nữ	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)
Trụ sở đăng ký	Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Trầm Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh
City, The Socialist Republic of Vietnam
Telephone : +84(8) 3821 9266
Fax : +84(8) 3821 9267
Internet : www.kpmg.com.vn

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 13 - 01 - 303



Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0866-2013-007-1

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		945.709.617.559	292.929.235.043
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	322.520.290.803	39.921.238.387
Tiền	111		17.420.290.803	8.331.238.387
Các khoản tương đương tiền	112		305.100.000.000	31.590.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	162.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8	347.908.948.312	187.226.260.114
Phải thu khách hàng	131		2.237.545.063	4.872.345.052
Trả trước cho người bán	132		331.375.516.865	179.455.993.576
Các khoản phải thu khác	135		15.718.810.720	3.224.119.815
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.422.924.336)	(326.198.329)
Hàng tồn kho	140	9	91.800.249.755	63.489.895.549
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.480.128.689	2.291.840.993
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		548.215.556	154.715.025
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.319.719.344	1.160.479.510
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		11.960.109	11.960.109
Tài sản ngắn hạn khác	158		9.600.233.680	964.686.349
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		915.998.157.385	620.489.913.192
Tài sản cố định	220		603.079.499.857	325.261.849.434
Tài sản cố định hữu hình	221	10	342.313.236.627	255.019.598.776
<i>Nguyên giá</i>	222		502.223.166.614	345.409.138.780
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(159.909.929.987)	(90.389.540.004)
Tài sản cố định vô hình	227	11	10.491.186.172	15.740.520.780
<i>Nguyên giá</i>	228		12.582.450.921	17.276.654.505
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.091.264.749)	(1.536.133.725)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	250.275.077.058	54.501.729.878
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	301.796.274.837	287.327.345.025
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		192.695.040.039	183.009.350.227

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đầu tư dài hạn khác	258		109.101.234.798	104.317.994.798
Tài sản dài hạn khác	260		11.122.382.691	7.900.718.733
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.953.001.107	1.202.111.386
Tài sản dài hạn khác	268		130.500.000	68.500.000
Lợi thế thương mại	269	15	5.038.881.584	6.630.107.347
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.861.707.774.944	913.419.148.235
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		944.250.691.329	364.510.850.728
Nợ ngắn hạn	310		748.376.896.489	269.227.485.465
Vay ngắn hạn	311	16	625.340.131.807	176.756.587.087
Phải trả người bán	312	17	84.390.146.885	28.430.048.603
Người mua trả tiền trước	313	18	4.683.635.040	27.429.479.800
Thuế phải nộp Nhà nước	314	19	8.012.870.073	3.483.996.906
Phải trả người lao động	315		10.587.928.292	5.677.452.197
Chi phí phải trả	316	20	1.142.168.071	2.661.085.288
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	5.269.860.728	12.917.119.304
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	8.950.155.593	11.871.716.280
Vay và nợ dài hạn	330		195.873.794.840	95.283.365.263
Phải trả dài hạn khác	333		467.600.000	-
Vay và nợ dài hạn	334	23	189.896.537.795	92.053.686.436
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	24	5.509.657.045	3.229.678.827
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		887.531.847.895	544.608.688.124
Vốn chủ sở hữu	410	25	887.531.847.895	544.608.688.124
Vốn cổ phần	411	26	607.500.000.000	303.750.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		12.132.550.000	12.334.430.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		109.220.527.995	101.382.082.596
Quỹ dự phòng tài chính	418		15.599.345.134	11.680.122.435
Quỹ khác	419		(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		144.696.353.773	117.078.982.100
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	29.925.235.720	4.299.609.383

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.861.707.774.944	913.419.148.235

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	294.259.528	9.531.294

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thu Trang

Võ Thị Thủy Tiên

Trần Kim Dũng

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng doanh thu	01	28	1.015.872.407.899	935.538.710.298
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	845.861.355	924.089.905
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		1.015.026.546.544	934.614.620.393
Giá vốn hàng bán	11	29	858.642.400.183	800.882.691.384
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		156.384.146.361	133.731.929.009
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	25.876.163.766	48.764.797.705
Chi phí tài chính	22	31	33.295.709.856	54.547.069.002
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.161.717.667	57.607.747.373
Chi phí bán hàng	24		22.315.154.253	9.957.555.569
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.264.406.676	27.911.886.474
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		87.385.039.342	90.080.215.669
Thu nhập khác	31	32	45.463.588.642	7.578.858.471
Chi phí khác	32	33	36.113.416.066	3.970.411.881
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.350.172.576	3.608.446.590
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, cần trừ với khoản phân bổ lợi thế thương mại	41	13	18.319.965.037	6.869.743.530
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		115.055.176.955	100.558.405.789
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	21.357.784.387	16.115.590.436
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	2.279.978.218	3.229.678.827
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		91.417.414.350	81.213.136.526

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(18.607.398)	(391.373.375)
Chủ sở hữu của Công ty	62		91.436.021.748	81.604.509.901
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.876	7.108

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thu Trang

Võ Thị Thủy Tiên

Trần Kim Dũng

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		115.055.176.955	100.558.405.789
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		38.024.963.564	32.837.336.301
Các khoản dự phòng	03		(44.812.727)	(12.818.735.255)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(18.319.965.037)	(6.869.743.530)
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(24.622.779.351)	(20.214.193.898)
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	05		(5.358.563.485)	(100.139.125)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con	05		(599.347.942)	-
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	05		-	(19.509.523.152)
Chi phí lãi vay	06		32.161.717.667	57.607.747.373
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		136.296.389.644	131.491.154.503
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(46.566.869.225)	(41.283.971.839)
Biến động hàng tồn kho	10		5.008.830.816	(26.987.333.594)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.126.303.644	22.076.835.276
Biến động chi phí trả trước	12		(2.122.464.895)	3.275.589.856
			95.742.189.984	88.572.274.202
Tiền lãi vay đã trả	13		(33.646.956.238)	(56.097.548.311)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(17.826.343.821)	(32.458.417.679)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.218.564.706)	(8.714.523.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		33.050.325.219	(8.698.215.357)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(340.631.332.092)	(67.192.735.048)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		38.143.967.045	238.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và tiền gửi có kỳ hạn	25		(193.668.235.284)	(246.409.217.573)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	148.662.804.400
Tiền chi mua công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua	25	5	1.205.341.823	(12.968.782.038)
Tiền thu lãi và cổ tức	27		26.096.076.962	25.863.976.898
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(468.854.181.546)	(151.805.953.361)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		303.548.120.000	222.569.800.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.450.334.650.965	801.842.331.757
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(989.917.362.222)	(778.089.438.325)
Tiền chi trả cổ tức	36		(45.562.500.000)	(48.533.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		718.402.908.743	197.788.815.432
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		282.599.052.416	37.284.646.714
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		39.921.238.387	2.636.591.673
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	322.520.290.803	39.921.238.387

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Thu Trang

Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ("Nhà máy Đường Ninh Hòa – Công ty Đường Khánh Hòa") theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường từ mía và các sản phẩm phụ; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Chi tiết các công ty trong Tập đoàn như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
<i>Các công ty con của Công ty</i>				
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung ("Bò giống Miền Trung")	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	62,92%	59,04%
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa ("Nhiệt Điện Ninh Hòa")	Sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang ("Đường Phan Rang")	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005.	51,68%	41,9%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
<i>Các công ty liên kết của Công ty</i>				
Công ty Cổ phần Mía Đường 333 ("Đường 333")	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006.	42,1%	42,1%
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai ("SEC")	Sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.	Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997.	22,98%	22,98%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 829 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 365 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho nông dân trồng mía

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
gia súc	12 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất từ 6 đến 28 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VNĐ và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhận các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.



(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo trì

Dự phòng chi phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và đánh giá hợp lý của Ban Tổng Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các năm tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong báo cáo tài chính.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- » các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- » các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- » các tài sản tài chính mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các tài sản tài chính được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- » các tài sản tài chính mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- » các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- » các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(q) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(s) **Quý thuộc vốn chủ sở hữu**

Quý thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(t) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) **Điện**

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) **Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(u) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(v) **Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(w) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(x) **Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Hợp nhất kinh doanh

Trong năm, Công ty mua thêm 305,988 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) và tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Đường Phan Rang lên 51,68%. Công ty bắt đầu kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Đường Phan Rang. Theo đó, Đường Phan Rang đã trở thành một công ty con của Công ty.

	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua VNĐ
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	51,68%	27.388.331.869

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.031.065.723
Các khoản phải thu ngắn hạn	42.029.749.985
Hàng tồn kho	33.319.185.022
Tài sản ngắn hạn khác	701.027.365
Tài sản cố định hữu hình – thuần (Thuyết minh 10)	91.082.459.847
Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	48.889.868
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	533.571.806
Tài sản dài hạn khác	22.000.000
Nợ ngắn hạn	(76.727.229.594)
Vay và nợ dài hạn	(39.862.921.136)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	54.177.798.886
Tài sản thuần đã mua	27.987.679.811
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(1.825.723.900)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại công ty liên kết tại ngày mua	(25.562.607.969)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại phần chênh lệch giữa tài sản thuần đã mua và khoản thanh toán cho việc mua lại	599.347.942
Các ảnh hưởng đến luồng tiền bao gồm:	
Khoản tiền thu được	3.031.065.723
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(1.825.723.900)
Khoản tiền thu được thuần	1.205.341.823

Việc mua lại không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do ngày mua lại có hiệu lực là ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	342.200.979	195.722.271
Tiền gửi ngân hàng	17.078.089.824	8.135.516.116
Các khoản tương đương tiền	305.100.000.000	31.590.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	322.520.290.803	39.921.238.387

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 3 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 200 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm khoản 50 tỷ VNĐ cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên vay với thời gian đáo hạn là một tháng, khoản 92 tỷ VNĐ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay với thời gian đáo hạn là 3 tháng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn 20 tỷ VNĐ tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và nhận lãi suất năm trong khoảng từ 7% đến 10% trong năm.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 20 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	4.731.471.645	284.817.014

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo thỏa thuận giữa các bên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 206.068 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 177.889 triệu VNĐ). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước của Công ty với giá trị lớn hơn 300 triệu VNĐ được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía nhận lãi suất năm từ 10,8% đến 15% trong năm. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng với 30% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn đã cần trừ tổng cộng 358.809 triệu VNĐ trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2012: 361.985 triệu VNĐ).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (*)	-	1.550.000.000
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Mía Đường 333	4.210.777.200	-
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (**)	5.679.720.000	-
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.206.007.944	-
Lãi từ khoản cho các doanh nghiệp khác vay	520.694.445	-
Phải thu khác	2.101.611.131	1.674.119.815
	15.718.810.720	3.224.119.815

(*) Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu ngày 15 tháng 5 năm 2012, Tập đoàn đồng ý mua 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”), công ty con, từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), với giá mua bằng tiền là 1,5 tỷ VNĐ. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Sacombank. Tập đoàn đã nhận được sổ cổ đông trong năm 2013 và tất toán khoản đặt cọc này.

(**) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HĐTC-ĐNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 USD. Khoản phải thu này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Tập đoàn trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 3 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản trả trước cho người bán của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 204.720 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	-	517.300.000
Nguyên vật liệu	16.843.908.831	6.947.116.140
Công cụ và dụng cụ	347.541.791	5.123.119.917
Sản phẩm dở dang	11.977.709.655	4.946.556.031
Thành phẩm	62.127.601.440	45.382.513.246
Hàng hóa	503.488.038	573.290.215
	91.800.249.755	63.489.895.549

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 32.177 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45.383 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Súc vật	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	73.246.117.601	258.116.107.516	12.289.304.642	1.270.321.639	487.287.382	345.409.138.780
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	14.956.140.482	103.787.678.399	12.646.681.178	1.605.302.174	-	132.995.802.233
Tăng trong năm	720.978.364	4.833.759.346	-	1.435.197.381	-	6.989.935.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.026.742.167	53.104.464.101	-	-	-	55.131.206.268
Thanh lý	(30.521.015.800)	(1.426.516.330)	-	-	(24.540.000)	(31.972.072.130)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(174.127.852)	(1.134.291.322)	-	(132.207.544)	-	(1.440.626.718)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(999.033.551)	(2.856.546.605)	-	(571.889.372)	(462.747.382)	(4.890.216.910)
Phân loại lại	(262.583.161)	262.583.161	-	-	-	-
Số dư cuối năm	58.993.218.250	414.687.238.266	24.935.985.820	3.606.724.278	-	502.223.166.614
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.683.115.524	71.816.013.532	2.164.476.301	500.196.911	225.737.736	90.389.540.004
Khấu hao trong năm	4.228.640.262	30.618.343.900	6.246.406.652	819.951.572	-	41.913.342.386
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	3.654.330.277	30.675.433.523	1.228.930.464	291.495.451	16.290.422	35.866.480.137
Thanh lý	(3.255.575.009)	(575.030.140)	-	-	(13.887.071)	(3.844.492.220)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(125.045.407)	(908.533.945)	-	(100.687.618)	-	(1.134.266.970)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(586.812.416)	(2.105.634.571)	-	(360.085.276)	(228.141.087)	(3.280.673.350)
Phân loại lại	(26.258.315)	26.258.315	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.572.394.916	129.546.850.614	9.639.813.417	1.150.871.040	-	159.909.929.987
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	57.563.002.077	186.300.093.984	10.124.828.341	770.124.728	261.549.646	255.019.598.776
Số dư cuối năm	39.420.823.334	285.140.387.652	15.296.172.403	2.455.853.238	-	342.313.236.627



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Giá trị của tài sản cố định hữu hình của Công ty mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 25.554 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.821 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 309.729 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 159.520 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu đồng trở lên. Những tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14) và Chi phí trả trước ngắn hạn.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	16.737.574.571	539.079.934	17.276.654.505
Thanh lý	(4.657.823.650)	-	(4.657.823.650)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(36.379.934)	(36.379.934)
Số dư cuối năm	12.079.750.921	502.700.000	12.582.450.921
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.382.292.070	153.841.655	1.536.133.725
Khấu hao trong năm	457.622.688	109.634.976	567.257.664
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(12.126.640)	(12.126.640)
Số dư cuối năm	1.839.914.758	251.349.991	2.091.264.749
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	15.355.282.501	385.238.279	15.740.520.780
Số dư cuối năm	10.239.836.163	251.350.009	10.491.186.172

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 577 triệu VNĐ đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 577 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 7.843 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.657 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VNĐ trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	54.501.729.878	64.090.641.512
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	48.889.868	-
Tăng trong năm	251.403.860.529	59.027.781.944
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.131.206.268)	(68.616.693.578)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(548.196.949)	-
Số dư cuối năm	250.275.077.058	54.501.729.878

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 964 triệu VNĐ (2012: 467 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 6,2 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.



13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VNĐ	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VNĐ
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	-	-	-	-	1.313.210	41,9%	41,9%	19.888.845.500
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	3.508.981	42,1%	42,1%	80.156.233.173	3.508.981	42,1%	42,1%	74.201.876.549
Công ty Cổ phần Mía Đường – Nhiệt Điện Gia Lai	6.400.000	22,98%	22,98%	112.538.806.866	4.000.000	22,98%	22,98%	88.918.628.178
				192.695.040.039				183.009.350.227
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:								
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	116.648	0,4%	0,4%	1.401.234.798	58.324	0%	0%	817.994.798
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công	420.000	14%	14%	4.200.000.000	-	-	-	-
				109.101.234.798				104.317.994.798
				301.796.274.837				287.327.345.025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	183.009.350.227	74.725.141.519
Các khoản đầu tư mới trong năm	26.339.109.944	107.064.248.178
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	21.997.767.336	6.869.743.530
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	(25.562.607.969)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(3.677.802.299)	-
Cổ tức đã nhận	(9.410.777.200)	(5.649.783.000)
Số dư cuối năm	192.695.040.039	183.009.350.227

Biến động của các khoản đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	104.317.994.798	89.508.536.651
Các khoản đầu tư mới trong năm	4.783.240.000	143.962.739.395
Thanh lý các khoản đầu tư trong năm	-	(129.153.281.248)
Số dư cuối năm	109.101.234.798	104.317.994.798

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần điện Gia Lai với giá trị là 70 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VNĐ), Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 35 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VNĐ), Công ty Cổ phần Mía Đường 333 với giá trị là 39 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) và Công ty Cổ phần Đường Phan Rang với giá trị là 21 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	1.202.111.386	1.285.204.874
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh 5)	533.571.806	33.650.000
Tăng trong năm	2.749.915.242	1.001.808.064
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình – thuần	1.609.543.560	-
Chuyển từ tài sản cố định vô hình – thuần	24.253.294	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	548.196.949	-
Chuyển từ trả trước ngắn hạn	156.726.673	-
Phân bổ trong năm	(871.317.803)	(1.118.551.552)
Số dư cuối năm	5.953.001.107	1.202.111.386

15. Lợi thế thương mại

	VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.956.128.816
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.326.021.469
Khấu hao trong năm	1.591.225.763
Số dư cuối năm	2.917.247.232
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	6.630.107.347
Số dư cuối năm	5.038.881.584

**16. Vay ngắn hạn**

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay ngắn hạn	592.501.066.511	146.845.422.227
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24)	32.839.065.296	29.911.164.860
	625.340.131.807	176.756.587.087

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VNĐ	6,8% - 8,3%	45.000.000.000	79.696.370.994
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (b)	VNĐ	6,8% - 8,5%	11.950.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (c)	VNĐ	6,8% - 7,6%	14.000.000.000	55.671.353.560
Ngân hàng TMCP Phương Đông (d)	VNĐ	8,5%	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (e)	VNĐ	7% - 8,8%	18.195.123.278	11.477.697.673
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (f)	VNĐ	6,75%	133.234.657.033	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (g)	VNĐ	5,5%	30.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VNĐ	7,8% - 7,85%	21.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (i)	VNĐ	7,3%	235.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	VNĐ	7,5% - 9%	34.121.286.200	-
			592.501.066.511	146.845.422.227

(a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một cổ đông, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 3.250.000 Đô la Mỹ.

(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một cổ đông.

(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị là 10 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45 tỷ VNĐ).

(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 167.783 triệu VNĐ.

(e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 35 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VNĐ).

(f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 8.743 triệu VNĐ. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 70 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VNĐ).

(g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội là 40 tỷ VNĐ.

(h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thành phẩm với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không).

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang với giá trị ghi sổ là 21 tỷ VNĐ và Công ty Cổ phần Mía Đường 333 với giá trị ghi sổ là 39 tỷ VNĐ. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 180 tỷ VNĐ.

(j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 52 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị còn lại của nhà cửa và thiết bị với giá trị còn lại là 2 tỷ VNĐ, tiền gửi ngân hàng là 3 tỷ VNĐ, các khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 37 tỷ VNĐ và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 3 tỷ VNĐ.

17. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả các công ty liên quan khác	125.008.700	329.886.865

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong các khoản người mua trả tiền trước có các khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trả trước từ các cổ đông để mua đường	-	26.728.932.000

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	4.816.979	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.869.383.491	2.783.010.002
Thuế thu nhập cá nhân	667.304.223	635.896.912
Các loại thuế khác	471.365.380	65.089.992
	8.012.870.073	3.483.996.906

**20. Chi phí phải trả**

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí lãi của khoản người mua trả tiền trước	-	1.640.837.280
Chi phí lãi vay	852.598.133	696.999.424
Phí tư vấn	230.000.000	55.000.000
Chi phí khác	59.569.938	268.248.584
	1.142.168.071	2.661.085.288

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	-	8.000.000.000
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	2.847.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	899.800.000	1.189.600.000
Phải trả khác	1.522.063.928	879.522.504
	5.269.860.728	12.917.119.304

(*) Tập đoàn nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013. Khoản ứng trước này không chịu lãi và phải hoàn trả trong khoảng thời gian 3 tháng, tính từ ngày nhận khoản ứng trước. Tập đoàn đã hoàn trả khoản ứng trước này trong năm.

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	11.871.716.280	9.011.273.406
Tăng do mua lại công ty con	1.798.522.042	53.363.596
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong năm	9.855.425.156	11.415.386.359
Tăng khác	28.400.000	-
Hoàn nhập trong năm	(3.356.943.179)	(617.492)
Sử dụng trong năm	(11.246.964.706)	(8.607.689.589)
Số dư cuối năm	8.950.155.593	11.871.716.280

23. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay dài hạn	173.967.212.796	121.964.851.296
Nợ thuê tài chính	48.768.390.295	-
	222.735.603.091	121.964.851.296
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(32.839.065.296)	(29.911.164.860)
Hoàn trả sau 12 tháng	189.896.537.795	92.053.686.436

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn hiện còn số dư như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín					
Khoản vay 1	VNĐ	14%	2017	-	28.466.398.596
Khoản vay 2	VNĐ	12%	2020	-	35.000.000.000
Khoản vay 3	VNĐ	14% - 16%	2015	-	58.498.452.700
Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Khoản vay 1 (a)	VNĐ	9%	2018	34.960.000.000	-
Khoản vay 2 (a)	VNĐ	10%	2018	87.119.391.660	-
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1 (b)	VNĐ	11,5%	2017	18.907.496.136	-
Khoản vay 2 (b)	VNĐ	11,5%	2018	26.162.500.000	-
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1 (c)	VNĐ	11,1%	2018	6.817.825.000	-
Nợ phải trả từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (d)	VNĐ	11,4% - 12%	2020	48.768.390.295	-
				222.735.603.091	121.964.851.296

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại tỉnh Ninh Hòa với giá trị còn lại là 7.843 tỷ VNĐ và công trình trên đất với giá trị còn lại là 5.909 triệu VNĐ. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 216 tỷ VNĐ.
- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 52.804 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 81.040 tỷ VNĐ.
- (c) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 1,8 tỷ VNĐ và tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.400 tấn mía cây/ngày với giá trị là 6,2 tỷ VNĐ.
- (d) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ. Tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính đang được ghi nhận vào chi phí trả trước cho người bán với giá trị ghi sổ là 51.871 triệu VNĐ.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2013		
	Tổng khoản thanh toán VNĐ	Tiền lãi thuê VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Trong vòng một năm	11.470.969.391	5.093.564.506	6.377.404.885
Trong vòng hai đến năm năm	43.461.501.596	13.450.184.492	30.011.317.104
Sau năm năm	13.897.390.631	1.517.722.325	12.379.668.306
	68.829.861.618	20.061.471.323	48.768.390.295

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.509.657.045	3.229.678.827



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Phát hành cổ phiếu	222.750.000.000	(180.200.000)	-	-	-	-	-	222.569.800.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	81.604.509.901	81.604.509.901
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(3.646.852.472)	-	-	3.646.852.472	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	617.492	617.492
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	-	(14.516.886.359)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(11.415.386.359)	(11.415.386.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(50.625.000.000)	(50.625.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(49.099.155)	-	-	(49.099.155)
Chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	39.255.176	-	-	-	-	39.255.176
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124
Phát hành cổ phiếu	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	91.436.021.748	91.436.021.748
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	7.838.445.399	3.919.222.699	-	(11.757.668.098)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.855.425.156)	(9.855.425.156)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	607.500.000.000	12.132.550.000	-	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	30.375.000	316.084.430.000	8.100.000	93.514.630.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	30.375.000	303.548.120.000	22.275.000	222.569.800.000
Số dư cuối năm	60.750.000	619.632.550.000	30.375.000	316.084.430.000

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Số dư đầu năm	4.299.609.383	-
Mua lại công ty con	26.190.119.075	4.702.982.758
Lỗ thuần trong năm	(18.607.398)	(391.373.375)
Ảnh hưởng của việc suy giảm lợi ích cổ đông thiểu số	(545.885.340)	(12.000.000)
Số dư cuối năm	29.925.235.720	4.299.609.383

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng doanh thu		
» Đường	853.692.987.824	783.370.032.898
» Mật	39.692.044.461	35.638.815.009
» Mía giống	3.613.355.000	5.436.042.800
» Điện	2.403.826.360	4.764.236.022
» Bùn, tro, bã	9.207.336.989	4.952.237.709
» Phân bón	97.113.316.843	93.481.999.778
» Thuốc trừ sâu	6.191.299.272	5.173.816.669
» Khác	3.958.241.150	2.721.529.413
	1.015.872.407.899	935.538.710.298
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
» Giảm giá hàng bán	(845.861.355)	(924.089.905)
	(845.861.355)	(924.089.905)
Doanh thu thuần	1.015.026.546.544	934.614.620.393

29. Giá vốn hàng bán

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Giá vốn hàng bán		
» Đường	700.158.945.273	654.705.863.089
» Mật	43.164.106.516	35.638.815.009
» Mía giống	4.258.416.500	5.516.705.000
» Điện	2.403.826.360	4.764.236.022
» Bùn, tro, bã	7.159.819.516	3.659.684.475
» Phân bón	93.053.039.985	89.727.026.778
» Thuốc trừ sâu	5.739.988.518	4.756.534.925
» Khác	2.704.257.515	2.113.826.086
	858.642.400.183	800.882.691.384



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	28.409.533.152
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	11.469.184.865	12.991.366.796
Thu nhập cổ tức	7.346.156.197	5.154.282.000
Lãi từ tiền đặt cọc theo thỏa thuận mua cổ phiếu	-	1.038.201.600
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.462.873.999	1.030.343.502
Lãi từ khoản cho các doanh nghiệp khác vay	943.888.889	-
Lãi do thanh toán chậm	1.400.675.401	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.253.384.415	141.070.655
	25.876.163.766	48.764.797.705

31. Chi phí tài chính

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	32.161.717.667	57.607.747.373
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.900.010.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(12.674.525.848)
Chi phí tài chính khác	1.133.992.189	713.837.477
	33.295.709.856	54.547.069.002

32. Thu nhập khác

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu nhập từ cho thuê nhà	1.065.000.000	4.260.000.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	38.143.967.045	238.000.000
Tiền thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	1.904.601.740	601.665.024
Tiền thu từ bán mía giống	599.416.638	962.272.324
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	1.775.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	303.639.315
Thu nhập khác	1.975.603.219	1.213.281.808
	45.463.588.642	7.578.858.471

33. Chi phí khác

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	784.009.615	1.481.824.683
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	32.785.403.560	137.860.875
Giá vốn của vật tư thanh lý	1.003.157.498	303.624.214
Giá vốn của mía giống đã bán	751.082.702	848.875.431
Phạt vi phạm hành chính	49.150.079	158.604.394
Chi phí khác	740.612.612	1.039.622.284
	36.113.416.066	3.970.411.881

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	21.357.784.387	16.115.590.436
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	2.279.978.218	3.229.678.827
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23.637.762.605	19.345.269.263

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	115.055.176.955	100.558.405.789
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	28.763.794.239	25.139.601.447
Chi phí không được khấu trừ thuế	328.964.501	849.373.577
Thu nhập không chịu thuế	(5.454.996.135)	(3.006.006.383)
Ưu đãi thuế	-	(3.637.699.378)
	23.637.762.605	19.345.269.263



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 91.436.021.748 đồng (2012: 81.604.509.901 VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.789.726 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11.480.533), được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	91.436.021.748	81.604.509.901
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	91.436.021.748	81.604.509.901

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013 Số lượng cổ phiếu	2012 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	30.375.000	8.100.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 3 năm 2012	-	1.432.992
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 11 năm 2012	-	1.947.541
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2013	1.414.726	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	31.789.726	11.480.533

36. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- » rủi ro tín dụng;
- » rủi ro thanh khoản; và
- » rủi ro thị trường

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	322.178.089.824	39.725.516.116
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (ii), (iii)	162.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác (iv)	17.875.418.149	7.770.266.538
Trả trước cho người bán (v)	204.726.192.070	177.563.759.367
	706.779.700.043	225.059.542.021

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản cho các công ty khác vay

Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn phân tích riêng biệt độ tin cậy của khả năng trả nợ. Việc trích lập dự phòng cho giảm giá trị được thực hiện khi Ban Tổng Giám đốc thấy cần thiết và theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(iv) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong hạn	17.869.321.963	7.770.266.538
Quá hạn trên 180 ngày	6.096.186	-
	17.875.418.149	7.770.266.538

(v) Trả trước cho người bán

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho mỗi người bán của Công ty có giá trị lớn hơn 300 triệu được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của người bán. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cấn trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong hạn	202.203.705.083	177.095.973.858
Quá hạn trên 180 ngày	2.522.486.987	467.785.509
	204.726.192.070	177.563.759.367

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Số dư đầu năm	326.198.329	326.198.329
Tăng do mua lại công ty con	1.141.538.734	-
Tăng dự phòng trong năm	152.104.299	-
Hoàn nhập	(196.917.026)	-
Số dư cuối năm	1.422.924.336	326.198.329

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ		Dòng tiền theo hợp đồng		Trong vòng 1 năm			1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Vay và nợ ngắn hạn										
Vay ngắn hạn	592.501.066.511	601.786.682.684	601.786.682.684	601.786.682.684	-	-	-	-	-	
Phải trả người bán	84.390.146.885	84.390.146.885	84.390.146.885	84.390.146.885	-	-	-	-	-	
Phải trả người lao động	10.587.928.292	10.587.928.292	10.587.928.292	10.587.928.292	-	-	-	-	-	
Chi phí phải trả	1.142.168.071	1.142.168.071	1.142.168.071	1.142.168.071	-	-	-	-	-	
Phải trả khác	5.269.860.728	5.269.860.728	5.269.860.728	5.269.860.728	-	-	-	-	-	
Vay và nợ dài hạn										
Vay và nợ dài hạn	222.735.603.091	311.746.127.839	55.071.748.359	45.716.373.822	152.662.754.014	58.295.251.644	-	-	-	
	916.626.773.578	1.014.922.914.499	758.248.535.019	45.716.373.822	152.662.754.014	58.295.251.644	-	-	-	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi số		Dòng tiến theo hợp đồng		Trong vòng 1 năm		1 – 2 năm		2 – 5 năm		Hơn 5 năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn												
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	150.677.631.966	150.677.631.966	150.677.631.966	-	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	28.426.238.603	28.426.238.603	28.426.238.603	28.426.238.603	-	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả người lao động	5.677.452.197	5.677.452.197	5.677.452.197	5.677.452.197	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	12.803.447.016	12.803.447.016	12.803.447.016	12.803.447.016	-	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả khác	2.661.085.288	2.661.085.288	2.661.085.288	2.661.085.288	-	-	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn												
Vay dài hạn	121.964.851.296	166.374.531.353	166.374.531.353	45.604.573.572	41.446.172.505	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	16.320.208.333
	318.378.496.627	366.620.386.423	366.620.386.423	245.850.428.642	41.446.172.505	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	63.003.576.943	16.320.208.333

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 735 tỷ VND nợ phải trả của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi số	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	305.100.000.000	31.590.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	162.000.000.000	-
Trả trước cho người bán	205.007.577.672	177.563.759.367
Vay ngắn hạn	(80.000.000.000)	-
	592.107.577.672	209.153.759.367
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	17.078.089.824	8.135.516.116
Vay ngắn hạn	(512.501.066.511)	(146.845.422.227)
Vay và nợ dài hạn	(189.896.537.795)	(92.053.686.436)
Vay dài hạn đến hạn trả	(32.839.065.296)	(29.911.164.860)
	(718.158.579.778)	(260.674.757.407)

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm đi 5,99 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2,02 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định rằng các biến số khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái không thay đổi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:		
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	162.000.000.000	-
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	322.178.089.824	39.725.516.116
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	17.875.418.149	8.096.464.867
- Trả trước cho người bán	204.726.192.070	177.563.759.367
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	109.101.234.798	104.317.994.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	89.660.007.613	41.229.685.619
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	11.730.096.363	8.338.537.485
- Vay ngắn hạn	592.501.066.511	146.845.422.227
- Vay và nợ dài hạn	222.735.603.091	121.964.851.296

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước cho người bán, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay và nợ dài hạn

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu

	Thuyết minh	31/12/2013	
		Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	1.401.234.798	1.458.100.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần giao dịch hàng hóa Sơn Tín	(ii)	19.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng mía đường Thành Thành Công	(ii)	4.200.000.000	-
		109.101.234.798	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(ii) Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công là các công ty chưa niêm yết. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

37. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Cổ tức công bố nhưng chưa nhận được	4.210.777.200	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	323.599.171.160	327.442.828.095
Mua tài sản cố định	1.082.312.967	-
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	32.000.000.000	435.951.968.000
Trả tiền ứng trước mua hàng hóa	-	70.000.000.000
Vay	12.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	12.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	26.666.667	-
Chi phí lãi vay từ tạm ứng mua hàng hóa	717.692.455	5.565.793.386
Mua giải pháp kỹ thuật	-	513.876.085
Mua dịch vụ tư vấn	956.426.910	982.000.000
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn	441.884.000	-
Cổ tức phải trả	8.851.500.000	-
Lãi do thanh toán chậm	1.400.675.401	-
Cho vay ngắn hạn	142.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	1.021.263.890	-
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Mía đường 333		
Ứng tiền mua cổ phiếu	-	11.318.600.000
Thu nhập cổ tức	4.210.777.200	4.177.360.000
Lãi ứng tiền mua cổ phiếu	209.135.267	1.633.004.463
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai		
Thu nhập từ cổ tức	5.200.000.000	5.000.000.000
Mua vốn cổ phần	24.000.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	600.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thù lao	8.359.520.866	6.322.066.953

39. Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	104.145.212.545	182.214.239.600

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	757.762.029.408	716.941.459.597
Chi phí nhân công	50.920.784.545	37.481.092.525
Chi phí khấu hao và phân bổ	41.702.765.863	32.837.336.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.166.849.232	9.692.394.036
Chi phí khác	24.985.419.738	17.208.698.369

Người lập biểu

Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trầm Kim Dung

Ngày 28 tháng 3 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân,
Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa

Tel: (058) 3620416 - 3620705

Fax: (058) 3620143 - 3620106

Email: duongninhhoa@nhs.com.vn

www.nhs.com.vn